

VN-Index tăng 1,1%

Ngày báo cáo

22/4/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng 1,1%

VN-Index tăng 1,1% (+23,8 điểm) vào thứ Tư, đóng cửa phiên giao dịch tại 1.857,3 điểm. Nhóm cổ phiếu Vingroup (VIC, VHM, VRE) là động lực chính dẫn dắt đà tăng hôm nay sau ĐHCĐ của VIC diễn ra hôm nay và của VHM vào hôm qua. Toàn sản ghi nhận 111 mã tăng, 194 mã giảm và 66 mã đi ngang. Thanh khoản giảm so với phiên trước, đạt 21,4 nghìn tỷ đồng.

- Các cổ phiếu vốn hóa lớn ngành bất động sản diễn biến tích cực khi VIC (+7,0%), VHM (+3,1%), VRE (+2,2%) và NVL (+5,9%) đều tăng mạnh.
- Trong nhóm ngân hàng, STB (-1,8%) giảm mạnh, VCB (-0,3%), BID (-0,4%), MBB (-0,4%) cùng HDB (-0,6%) cũng giảm điểm. Ngược lại, CTG (+0,1%) tăng nhẹ và TCB (+0,9%) ghi nhận mức tăng khả quan.
- Nhóm dịch vụ tài chính diễn biến kém khả quan phiên thứ hai liên tiếp khi TCX (-0,4%), VCK (-1,0%), SSI (-0,5%) và VPX (-0,7%) đều giảm điểm.
- Các cổ phiếu tăng đáng chú ý ở những ngành khác bao gồm mã hàng không HVN (+1,3%), công ty công nghiệp GEX (+1,6%) và nhà bán lẻ MWG (+0,9%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1857,3	255,4	128,9
% Δ	1,3%	0,8%	-0,3%
- % Δ 1 tuần	3,1%	1,0%	0,0%
- % YTD	4,1%	1,9%	6,7%
- % YOY	55,1%	22,9%	43,7%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$825,1	\$54,3	\$15,4
- TB 1 tháng (triệu)	\$923,4	\$56,8	\$21,0
- TB 1 năm (triệu)	\$1.138,9	\$80,7	\$33,1
- TB QTD	\$935,3	\$54,4	\$20,4
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-22,1%	-30,5%	-42,4%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$83,2	\$1,8	\$0,4
- Bán (triệu)	\$86,8	\$1,9	\$0,6
- GT ròng (triệu)	-\$3,7	-\$0,2	-\$0,2
Độ rộng TT			
Mã tăng	119	59	138
Mã giảm	199	67	139
Không đổi	106	179	591
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	333,4	17,5	51,8
P/E trượt 12T	15,0	10,6	18,7
LS cổ tức*	3,3%	5,0%	5,5%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	2.040,6	36.567	2.500,0
VN30F2M	2.038,0	1.483	3,4
VN30F1Q	2.036,9	329	0,5
VN30F2Q	2.026,0	26	0,1
VN100F1M	1.954,9	21	0,4
VN100F2M	1.949,1	16	0,6
VN100F1Q	1.958,2	14	0,0
VN100F2Q	1.898,9	N/A	-
USD/VND		26.329	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Nhận định nhanh

- HDC: KQKD quý 1 tăng mạnh so với cùng kỳ từ mức nền thấp nhờ hoạt động bàn giao BĐS cải thiện - Báo cáo KQKD
- TLG: Kế hoạch năm 2026 thận trọng dù KQKD quý 1 tích cực - Báo cáo ĐHCĐ & Báo cáo KQKD
- VNM: Năng lực cạnh tranh mạnh, triển vọng tăng trưởng một chữ số trong năm 2026 - Báo cáo ĐHCĐ & KQKD
- DCM: DCM tái khẳng định triển vọng tích cực cho ngành urê trong Quý 2 và nửa cuối năm; mục tiêu đẩy tham vọng đến năm 2030 - Báo cáo ĐHCĐ
- DGW: Kế hoạch tăng trưởng LNST 20% YoY năm 2026; gia nhập mảng vật tư tiêu hao ô tô từ quý 2/2026 - Báo cáo ĐHCĐ
- HPA: Kế hoạch năm 2026 thận trọng trong bối cảnh chi phí thức ăn chăn nuôi đầu vào gia tăng do căng thẳng Trung Đông; cổ tức tiền mặt cao - Báo cáo ĐHCĐ
- HPG: Mục tiêu LNST năm 2026 tăng 42% YoY; LNST sơ bộ quý 1 ghi nhận mức tăng mạnh 170% YoY nhờ mức lợi nhuận cốt lõi cao và khoản lãi một lần - Báo cáo ĐHCĐ
- KDH: Kế hoạch tăng trưởng 43% LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026, tăng tốc từ mức tăng 29% năm 2025; dự kiến mở bán phân khu cao tầng Gladia vào quý 3/2026 - Báo cáo ĐHCĐ
- PNJ: Kế hoạch LNST tăng 21% YoY trong năm 2026; tầm nhìn dài hạn trở thành hệ sinh thái phong cách sống đa dạng - Báo cáo ĐHCĐ
- QTP: Áp lực lợi nhuận từ kế hoạch tạm dừng để nâng cấp nhà máy - Báo cáo ĐHCĐ
- STB: Ông Thụy trở thành Phó Chủ tịch STB; KQKD quý 1/2026 hoàn thành 44% kế hoạch của ngân hàng - Báo cáo ĐHCĐ
- VIC: Kế hoạch LNST năm 2026 tăng mạnh được hỗ trợ bởi triển vọng doanh số bán BĐS; VinFast đặt mục tiêu có lãi EBITDA vào năm sau; IPO của GSM có thể thực hiện trong nửa cuối năm 2028 - Báo cáo ĐHCĐ
- TCB: Năng lực triển khai hiệu quả các trụ cột kinh doanh chính sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận bất chấp các yếu tố vĩ mô bất lợi - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

Báo cáo trong ngày

- Cập nhật Vĩ mô: Thị trường lao động vẫn khả quan dù bị ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ
- REE: Lợi nhuận vững chắc bất chấp tác động của El Nino cùng kế hoạch mở rộng công suất gấp 3 lần - Cập nhật
- TV2: Lợi nhuận tăng tốc khi danh mục dự án EPC dồn bước vào giai đoạn triển khai - Cập nhật
- MSR: Báo cáo Thăm Doanh nghiệp

Quan điểm kỹ thuật

VN-Index vận động trên MA5 và giữ quán tính tăng, qua đó duy trì khả năng hướng lên vùng 1.900–1.920 điểm. Trong phiên 23/04, mục tiêu gần nằm tại 1.880 điểm, với hỗ trợ trong ngày quanh 1.835 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Nhận định nhanh

HDC: KQKD quý 1 tăng mạnh so với cùng kỳ từ mức nền thấp nhờ hoạt động bàn giao BĐS cải thiện - Báo cáo KQKD

* CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HDC) ghi nhận KQKD quý 1/2026 tăng trưởng mạnh với doanh thu đạt 249 tỷ đồng (+42% QoQ; +151% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 57 tỷ đồng (+92% QoQ; +322% YoY), được thúc đẩy bởi hoạt động bàn giao BĐS cải thiện – chủ yếu từ dự án Ngọc Tước 2 và The Light City Giai đoạn 1 – bù đắp cho chi phí tài chính tăng so với cùng kỳ.

* Do LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 đã hoàn thành 18% dự báo cả năm của chúng tôi (315 tỷ đồng; -51% so với mức nền cao của năm 2025), chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo của chúng tôi cho HDC, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Tại thời điểm cuối quý 1/2026, số dư tiền mặt của HDC là 29 tỷ đồng, so với 499 tỷ đồng vào cuối năm 2025, chúng tôi cho rằng chủ yếu do công ty đã chi trả nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và trả nợ trong quý. Tỷ lệ nợ vay ròng trên vốn chủ sở hữu của HDC đã tăng lên 69,3% vào cuối quý 1/2026 so với 57,9% vào cuối năm 2025.

* HDC thông báo dự án nhà ở xã hội Eco Home 1 (Bà Rịa Vũng Tàu; 340 căn hộ) đã nhận được giấy phép bán hàng vào tháng 4/2026, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi về đóng góp của dự án này vào dự báo doanh số bán BĐS năm 2026 cho HDC (dự báo của chúng tôi: 1.100 tỷ đồng; gấp 3,6 lần so với ước tính cho năm 2025). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ](#).

TLG: Kế hoạch năm 2026 thận trọng dù KQKD quý 1 tích cực - Báo cáo ĐHCĐ & Báo cáo KQKD

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ năm 2026 của CTCP Tập đoàn Thiên Long (TLG) vào ngày 22/04/2026. Ban lãnh đạo đã đưa ra kế hoạch lợi nhuận năm 2026 mang tính thận trọng dù đã tăng trưởng trong quý 1 rất tích cực, với lý do gia tăng giá nguyên vật liệu và biến động chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, ban lãnh đạo vẫn lạc quan về sự tăng trưởng trung hạn, được hỗ trợ bởi việc mở rộng xuất khẩu, thâm nhập kênh thương mại điện tử, chiến lược cao cấp hóa sản phẩm và quan hệ đối tác chiến lược dự kiến với Kokuyo.

1. Kế hoạch và triển vọng năm 2026

- Doanh thu: 4.4 nghìn tỷ đồng (+5% YoY; đạt 94% dự báo cả năm của chúng tôi).

- LNST: 440 tỷ đồng (-1,1% YoY; đạt 81% dự báo cả năm của chúng tôi). Nếu loại trừ các khoản thu nhập bất thường, LNST cốt lõi vẫn cho thấy mức tăng trưởng khoảng 10% YoY.

- Chúng tôi tin rằng TLG đã đặt ra kế hoạch thận trọng. TLG thường vượt kế hoạch kinh doanh, đạt trung bình khoảng 110% kế hoạch LNST trong giai đoạn 2015-2025. Tuy nhiên, dự báo của chúng tôi đang được đánh giá lại.

- Ban lãnh đạo đặt mục tiêu doanh thu thương mại điện tử đóng góp 20% doanh thu nội địa vào năm 2030 (so với mức khoảng 9% hiện tại), trong khi doanh thu xuất khẩu được kỳ vọng tăng trưởng khoảng 20%/năm.

2. KQKD sơ bộ quý 1/2026

- Doanh thu: 1.0 nghìn tỷ đồng (+26% YoY; đạt 21% dự báo cả năm của chúng tôi). Trong đó, doanh thu nội địa tăng 26% và doanh thu quốc tế tăng 20% YoY.

- LNST: 161 tỷ đồng (+48% YoY; đạt 30% dự báo cả năm của chúng tôi).

- KQKD tích cực trong quý 1 chủ yếu nhờ sản lượng bán hàng tăng cao. Điều này được hỗ trợ bởi một phần đơn hàng bị hoãn từ quý 4/2025 chuyển sang quý 1/2026, cùng với việc khách hàng chủ động nhập hàng trước khi TLG tăng giá bán trung bình. Về giá bán trung bình, TLG đã tăng giá bán

khoảng 4-5% gần đây và có thể sẽ tiếp tục điều chỉnh thêm, nhằm chuyển giao chi phí sang người tiêu dùng và hỗ trợ giảm bớt áp lực lên biên lợi nhuận.

- Ban lãnh đạo lưu ý rằng họ đã tích trữ hàng tồn kho cho hoạt động sản xuất trong quý 2 và quý 3, giúp giảm thiểu tác động ngắn hạn lên biên lợi nhuận gộp trong bối cảnh chi phí đầu vào trung bình của ngành tăng mạnh (ví dụ: một số loại hạt nhựa tăng giá gấp đôi, trong khi vật liệu bao bì và đầu bút tăng 20%-30%). Để giảm thiểu áp lực này, TLG cũng đang đàm phán các điều khoản mua hàng, tăng giá bán có chọn lọc khi cần thiết và tiếp tục tối ưu hóa hiệu quả vận hành trên toàn bộ chuỗi giá trị.

- Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ so với dự báo của mình do chi phí đầu vào tăng và kế hoạch kinh doanh thấp hơn kỳ vọng, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

3. Thương vụ chiến lược Kokuyo x TLG

- Giao dịch hiện đang trong quá trình chờ cơ quan quản lý phê duyệt. Sau thương vụ, ông Thọ - Chủ tịch TLG - cho biết ông dự kiến sẽ tiếp tục đồng hành cùng TLG trong ít nhất ba năm tới. Ông cũng kỳ vọng chính sách cổ tức sẽ không thay đổi.

- Ban lãnh đạo nhấn mạnh Kokuyo là đối tác OEM/ODM dài hạn với hơn 100 năm kinh nghiệm và vị thế khu vực vững chắc, đặc biệt ở châu Á. Quan trọng hơn, Kokuyo có lịch sử đầu tư vào các công ty văn phòng phẩm địa phương nhưng vẫn bảo tồn các thương hiệu nội địa, điều này phù hợp với chiến lược tăng trưởng nhưng vẫn giữ vững thương hiệu Thiên Long của TLG.

- Thế mạnh của Kokuyo ở mảng tập vở (thương hiệu Campus) và năng lực nghiên cứu phát triển sẽ bổ trợ cho vị thế dẫn đầu của TLG trong mảng dụng cụ viết, đồng thời giúp đẩy nhanh quá trình mở rộng của TLG sang các danh mục văn phòng phẩm khác.

4. Các nội dung thảo luận khác

- Ban lãnh đạo cho biết TLG không có ý định cạnh tranh khốc liệt ở phân khúc giá rẻ, vì điều này có thể gây tổn hại đến lợi nhuận cho cổ đông và chất lượng sản phẩm. Thay vào đó, công ty tập trung bảo vệ thị phần thông qua các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn, đổi mới liên tục (gần 80 sản phẩm mới được tung ra trong năm 2025), tích hợp chuỗi cung ứng, tăng cường thực thi bán lẻ/địa phương hóa với hỗ trợ hướng dẫn tại cửa hàng, và nâng cao năng lực tự sản xuất.

5. Kế hoạch chi trả cổ tức

- Cổ tức năm 2025: 35% bằng tiền mặt - khoản này đã được tạm ứng trong năm 2025 - phù hợp với dự báo hiện tại của chúng tôi.

- Cổ tức năm 2026: 35% mệnh giá bằng tiền mặt và/hoặc cổ phiếu. Chúng tôi hiện dự báo mức 40% mệnh giá bằng tiền mặt. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VNM: Năng lực cạnh tranh mạnh, triển vọng tăng trưởng một chữ số trong năm 2026

- Báo cáo ĐHCĐ & KQKD

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Sữa Việt Nam (VNM) vào ngày 22/04/2026. ĐHCĐ ghi nhận mức độ tương tác Hỏi & Đáp đặc biệt cao với 46 câu hỏi được gửi và trả lời. Dưới đây là các điểm chính chúng tôi ghi nhận được.

Kế hoạch năm 2026 và triển vọng

* Ban lãnh đạo ước tính VNM đã tiếp tục gia tăng thị phần trong quý 1/2026. Số liệu ước tính của Nielsen cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026 (6T 2026) sẽ được công bố vào tháng 7/2026.

* Mảng tiêu dùng nhanh (FMCG) ghi nhận sự cải thiện trong quý 1/2026, với doanh số tăng +4,3% YoY theo Nielsen. Tuy nhiên, ngành sữa vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức khi ghi nhận mức giảm 3,7% YoY.

* Ban lãnh đạo dự báo thị trường trong năm 2026 sẽ tăng trưởng khiêm tốn ở mức 1,5%-2% so với năm 2025, trong đó vị thế dẫn đầu của Vinamilk có khả năng sẽ là động lực thúc đẩy mức cải thiện này.

* Trong trường hợp không có các diễn biến tích cực đáng kể và trong bối cảnh bất ổn địa chính trị, sức mua của người tiêu dùng khó có khả năng phục hồi mạnh. Ban lãnh đạo cho rằng kịch bản tích cực với tăng trưởng hai chữ số chỉ khả thi nếu các yếu tố bất định này được giải quyết.

KQKD sơ bộ quý 1/2026: tăng trưởng lợi nhuận mạnh từ mức nền thấp

* Doanh thu ghi nhận đã tăng trưởng ở tất cả các nhóm sản phẩm.

* Tăng trưởng lợi nhuận vượt đáng kể tăng trưởng doanh thu nhờ đòn bẩy hoạt động.

* Tính đến ngày 21/04/2026, kết quả kinh doanh tiếp tục duy trì mức tăng trưởng hai chữ số.

* Chúng tôi lưu ý rằng quý 1/2025 ghi nhận mức nền thấp do gián đoạn về mặt quy định đối với các nhà phân phối trên kênh truyền thống (GT), cũng như do VNM tự tái cơ cấu hệ thống phân phối/lực lượng bán hàng.

Triển vọng Trung hạn

* Tăng trưởng thị trường: Ban lãnh đạo cho rằng mục tiêu tăng trưởng hai chữ số mỗi năm là khả thi.

* Các nhóm tăng trưởng cao: sữa thực vật, sữa bột người lớn, sữa chua uống men sống, các sản phẩm sữa cao đậm.

* Các nhóm tăng trưởng ổn định: sữa nước, sữa bột trẻ em, sữa chua ăn, sữa đặc. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DCM: DCM tái khẳng định triển vọng tích cực cho ngành urê trong Quý 2 và nửa cuối năm; mục tiêu đầy tham vọng đến năm 2030 - Báo cáo ĐHCĐ

Tại ĐHCĐ năm 2026, ban lãnh đạo DCM đã tái khẳng định triển vọng tích cực đối với giá urê và lợi nhuận trong năm 2026, nhất quán với các thông điệp tại cuộc họp gặp gỡ nhà đầu tư (NGT) ngày 08/04/2026. Cụ thể, tại buổi họp gặp gỡ NGT gần đây, ban lãnh đạo đã chia sẻ chi tiết về KQKD sơ bộ quý 1/2026, các yếu tố hỗ trợ từ diễn biến thị trường urê toàn cầu (nguồn cung từ Trung Quốc/Nga), không có rủi ro liên quan đến nguồn cung khí và trần giá trong nước, cùng với chiến lược mở rộng dài hạn đến năm 2030. Vui lòng xem chi tiết trong [Báo cáo Gặp gỡ NGT](#) gần đây của chúng tôi.

Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của chúng tôi (3 nghìn tỷ đồng, +55% YoY), do sản lượng bán và giá bán urê trung bình phù hợp với dự báo của chúng tôi, dù vẫn cần thêm đánh giá chi tiết. Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với DCM (giá mục tiêu 57.600 đồng/cổ phiếu) trong kịch bản cơ sở của chúng tôi.

+ Kế hoạch năm 2026: 796 nghìn tấn urê (+2% so với kế hoạch năm 2025, tương đương ~97% dự báo năm 2026 của chúng tôi), doanh thu: 17,6 nghìn tỷ đồng (+26% so với kế hoạch năm 2025, tương đương ~92% dự báo năm 2026 của chúng tôi), và LNST: 1,2 nghìn tỷ đồng (+53% so với kế hoạch 2025, tương đương ~39% dự báo năm 2026 của chúng tôi). DCM đã hoàn thành trung bình 338% kế hoạch LNST trong 4 năm qua.

+ Kế hoạch cổ tức: Đã được thông qua với mức cổ tức năm 2025 là 2.000 đồng/cổ phiếu. Mục tiêu cổ tức năm 2026 là 1.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn so với dự phóng 3.000 đồng/cổ phiếu của chúng tôi (được hỗ trợ bởi mức tăng 55% YoY dự kiến của LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026). Điều này phù hợp với dự báo của chúng tôi do mức cổ tức tiền mặt thực tế của DCM trong 4 năm qua thường cao hơn trung bình 3,2 lần so với mức được phê duyệt.

Điều chỉnh tăng số liệu sơ bộ Quý 1/2026: Sản lượng bán: 256 nghìn tấn urê (+4% YoY, tương đương 32% dự báo năm 2026 của chúng tôi, có dư địa tăng nhẹ); 70 nghìn tấn NPK (+60% YoY, tương đương ~17% dự báo năm 2026 của chúng tôi); doanh thu 5,4 nghìn tỷ đồng (+58% YoY, tương đương ~28% dự báo năm 2026 của chúng tôi); LNTT 878 tỷ đồng (+93% YoY, tương đương ~26% dự báo năm 2026 của chúng tôi), cao hơn mức sơ bộ 837 tỷ đồng được chia sẻ tại buổi họp gặp gỡ HĐQT gần đây.

DCM kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận quý 2/2026 sẽ mạnh hơn, nhờ được hỗ trợ bởi việc (1) ghi nhận giá bán trung bình cao hơn do một số lô hàng bán ở mức giá >800 USD/tấn chưa được hạch toán trong quý 1 và (2) tiếp tục được hưởng lợi từ phần hàng tồn kho giá vốn thấp. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DGW: Kế hoạch tăng trưởng LNST 20% YoY năm 2026; gia nhập mảng vật tư tiêu hao ô tô từ quý 2/2026 – Báo cáo HĐQT

1. Các nghị quyết chính tại HĐQT:

* Kế hoạch năm 2026: Doanh thu 31,5 nghìn tỷ đồng (+18% YoY; 109% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST 660 tỷ đồng (+20% YoY; 103% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Kế hoạch này không bao gồm bất kỳ khoản hoàn nhập dự phòng tiềm năng nào từ các khoản đầu tư chứng khoán. Kế hoạch tăng trưởng doanh thu theo mảng trong năm 2026 của DGW bao gồm laptop & máy tính bảng +16% YoY, điện thoại di động +2% YoY, thiết bị văn phòng +32% YoY, thiết bị gia dụng +71% YoY và hàng tiêu dùng +9% YoY. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng tăng nhẹ đối với dự báo doanh thu, nhưng tiềm năng thay đổi không đáng kể đối với dự báo LNST của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Cổ tức tiền mặt năm 2025: 1.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất cổ tức 2,2%) sẽ được chi trả trong năm 2026.

* Chương trình ESOP năm tài chính 2026 cho thành viên HĐQT và nhân viên: Phát hành 2,2 triệu cổ phiếu (1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, thời gian hạn chế chuyển nhượng một năm, dự kiến trong quý 2-quý 3/2026.

* HĐQT đã thông qua việc DGW chuyển đổi sang cấu trúc công ty holding, trong đó công ty mẹ tập trung vào phân bổ vốn và giám sát, trong khi các công ty con vận hành từng mảng kinh doanh. Việc tái cấu trúc này mang tính hành chính, nhằm giải quyết các hạn chế về quy định liên quan đến các cổ đông nước ngoài hiện tại của DGW. Đồng thời, DGW dự kiến sự thay đổi này sẽ không mang đến thay đổi đáng kể đối với hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính.

2. Phần thảo luận:

* Kế hoạch quý 2/2026: Ban lãnh đạo đưa ra kế hoạch tăng trưởng doanh thu 29% YoY và tăng trưởng LNST 38% YoY trong quý 2/2026.

* Điện thoại di động: Về dài hạn, ban lãnh đạo kỳ vọng tăng trưởng doanh thu chủ yếu được thúc đẩy bởi giá bán trung bình, với sản lượng nhìn chung đi ngang.

* Laptop & máy tính bảng: Xu hướng tăng giá đã dẫn đến việc thiết lập lại mức giá bán trung bình của laptop (ví dụ: từ khoảng 15 triệu đồng trước đây lên khoảng 20-22 triệu đồng hiện nay). Trong quý 1/2026, doanh thu mảng laptop của DGW tăng 102% YoY do nhu cầu dồn vào quý 1 do kỳ vọng giá laptop sẽ tiếp tục tăng. Ban lãnh đạo cho rằng giá RAM và chipset sẽ tiếp tục xu hướng tăng cho đến cuối năm 2027. Mặc dù kỳ vọng doanh thu laptop sẽ hạ nhiệt trong quý 2-quý 3 so với quý 1, ban lãnh đạo vẫn tự tin vào mục tiêu tăng trưởng doanh thu laptop cả năm 2026. Về dài hạn, DGW kỳ vọng sản lượng tăng trưởng khoảng 10%/năm.

* Các mảng hiện hữu khác: DGW có kế hoạch đưa hai thương hiệu lớn vào mảng hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) và thiết bị gia dụng trong năm 2026.

* Mảng kinh doanh liên quan đến ô tô: Ban lãnh đạo cho rằng thời điểm này là còn sớm để gia nhập mảng phân phối xe điện (EV) do (1) người tiêu dùng chưa sẵn sàng cho các dòng xe điện cao cấp của Trung Quốc (giá bán trung bình trên 2 tỷ đồng) và (2) cơ sở hạ tầng trạm sạc của bên thứ ba (ngoài hệ sinh thái VinFast) chưa phát triển. Thay vào đó, trọng tâm ngắn hạn của DGW là vật tư tiêu hao ô tô (ví dụ: dầu nhớt, lốp xe, ắc quy, phụ kiện), với kế hoạch gia nhập mảng phân phối dầu nhớt trong quý 2/2026, thiết lập nền tảng cho việc mở rộng tiềm năng sang các loại vật tư tiêu hao ô tô liên quan.

* Tác động của xung đột tại Trung Đông: Nhìn chung, ban lãnh đạo cho rằng xung đột tại Trung Đông sẽ không có tác động đáng kể đến lợi nhuận của DGW. Ban lãnh đạo kỳ vọng không xảy ra gián đoạn trực tiếp đến chuỗi cung ứng do nguồn cung tập trung tại Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Ngoài ra, rủi ro liên quan đến chi phí logistics của DGW được giảm thiểu nhờ các hợp đồng có kỳ hạn với cơ chế giới hạn mức tăng giá. Chi phí vận chuyển chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng chi phí hoạt động. Ban lãnh đạo tin rằng mức tăng 20%-30% chi phí vận chuyển hàng hóa khó có thể tác động mạnh đến lợi nhuận. Mặc dù các rủi ro gián tiếp đối với nhu cầu tiêu dùng gây ra bởi lạm phát toàn cầu vẫn tồn tại, ban lãnh đạo tin rằng việc giành thêm thị phần, bổ sung các thương hiệu mới và các mảng kinh doanh mới sẽ bù đắp cho rủi ro suy giảm sức mua. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HPA: Kế hoạch năm 2026 thận trọng trong bối cảnh chi phí thức ăn chăn nuôi đầu vào gia tăng do căng thẳng Trung Đông; cổ tức tiền mặt cao – Báo cáo ĐHCĐ

1. Kế hoạch năm 2026:

* Doanh thu: 7.200 tỷ đồng (giảm 13,5% YoY; đạt 82% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* 1.005 tỷ đồng (giảm 37,2% YoY; đạt 80% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Biên LNST dự phóng: 14% (so với 19,2% năm 2025 và mức 14,5% trong dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Kế hoạch thận trọng này phản ánh kỳ vọng của ban lãnh đạo về tình trạng lạm phát chi phí đầu vào do xung đột tại Trung Đông, đặc biệt là chi phí liên quan đến thức ăn chăn nuôi. Mặc dù giá bán có thể tăng, ban lãnh đạo không kỳ vọng việc điều chỉnh giá đầu ra sẽ đủ để bù đắp hoàn toàn chi phí đầu vào tăng cao.

* Cơ cấu biên lợi nhuận gộp kế hoạch năm 2026 (so với thực tế năm 2025):

- Biên lợi nhuận gộp tổng hợp: 20-21% (so với 26,3% năm 2025).

- Heo: khoảng 29,0% (so với 35,4%).

- Bò: 6,6% (so với 7,1%).

- Gia cầm: 4,1% (so với 16,6%).

- Thức ăn chăn nuôi: 14,9% (so với 17,0%).

2. KQKD sơ bộ quý 1/2026:

* Doanh thu: 1.813 tỷ đồng (-5% QoQ; đạt 21% dự báo năm 2026). Không có dữ liệu so sánh YoY do công ty không công bố KQKD quý 1/2025 vào năm ngoái (trước thời điểm IPO).

* LNST: 345 tỷ đồng (tăng 14% QoQ; đạt 27% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Mặc dù KQKD quý 1 khá tích cực, ban lãnh đạo dự kiến quý 2 và quý 3 sẽ kém tích cực hơn. Đối với kỳ vọng quý 2, chi phí nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tăng mạnh do xung đột từ đầu tháng 3 sẽ bắt đầu phản ánh vào báo cáo KQKD trong quý 2, trong khi quý 1 vẫn được hỗ trợ bởi hàng tồn kho giá thấp. Dù giá đầu ra có thể tăng, công ty không kỳ vọng mức tăng này có thể bù đắp được chi phí đầu vào.

* Ban lãnh đạo cũng cho rằng lợi nhuận quý 3 sẽ thấp do tính mùa vụ trong năm.

* Về tính thời vụ trong năm, ban lãnh đạo lưu ý quý 1 và quý 4 thường là các quý cao điểm nhờ giá lợn tốt, trong khi quý 2 và quý 3 thường thấp hơn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

HPG: Mục tiêu LNST năm 2026 tăng 42% YoY; LNST sơ bộ quý 1 ghi nhận mức tăng mạnh 170% YoY nhờ mức lợi nhuận cốt lõi cao và khoản lãi một lần - Báo cáo ĐHCĐ

1. Kế hoạch năm 2026:

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG) đã công bố kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2026:

* Doanh thu: 210 nghìn tỷ đồng (+35% YoY; 113% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST: 22 nghìn tỷ đồng (+42% YoY; 101% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* Biên LNST tương ứng: 10,5% (so với mức 9,9% ghi nhận trong năm 2025 và dự báo năm 2026 của chúng tôi là 11,7%).

2. KQKD sơ bộ quý 1/2026:

* Doanh thu: 53.300 tỷ đồng (+15% QoQ, +42% YoY; 27% dự báo năm 2026 của chúng tôi).

* LNST: 9.056 tỷ đồng (+133% QoQ, +170% YoY; tương đương 41% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Theo Chủ tịch HĐQT, khoảng 5.200 tỷ đồng trong số này đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi đang diễn ra, trong khi khoảng 3.800 tỷ đồng còn lại là khoản lãi một lần từ việc chuyển nhượng phần vốn góp của HPG tại dự án khu đô thị Phố Nối Hưng Yên.

* Ban lãnh đạo kỳ vọng quý 2 và quý 3 sẽ tích cực hơn quý 1. Theo quan điểm của chúng tôi, nhận định này nhiều khả năng đang đề cập đến lợi nhuận cốt lõi, được hỗ trợ chủ yếu bởi nhu cầu thép thúc đẩy bởi hoạt động đầu tư hạ tầng tăng mạnh từ cả khu vực công và khu vực tư nhân.

* Đáng chú ý, lợi nhuận cốt lõi trong quý 1 vẫn vượt kỳ vọng của chúng tôi. Do đó, chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo năm 2026 hiện tại của chúng tôi, nhờ mức lợi nhuận cốt lõi tốt hơn kỳ vọng trong quý 1, kết hợp với khoản lãi một lần từ mảng BĐS, mà chúng tôi hiện vẫn chưa đưa vào dự báo. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

KDH: Kế hoạch tăng trưởng 43% LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026, tăng tốc từ mức tăng 29% năm 2025; dự kiến mở bán phân khu cao tầng Gladia vào quý 3/2026 - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (KDH) vào ngày 22/04.

* Cổ đông đã thông qua kế hoạch LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 là 1,5 nghìn tỷ đồng (+43% YoY), đạt 90% dự báo của chúng tôi. KQKD LNST sau lợi ích CĐTTS của KDH trong các năm 2021/22/23/24/25 lần lượt đạt 100%/79%/72%/103%/105% kế hoạch đề ra từ đầu mỗi năm. Theo quan điểm của chúng tôi, việc trình kế hoạch LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 tại ĐHCĐ thấp hơn so với kế hoạch sơ bộ đưa ra hồi đầu tháng 1/2026 có thể phản ánh quan điểm thận trọng hơn của ban lãnh đạo trước những thách thức thị trường hiện nay (bao gồm tình hình căng thẳng địa chính trị và lãi suất tăng). Chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 (1,67 nghìn tỷ đồng; +60% YoY), dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Cổ đông đã thông qua phương án cổ tức cho năm tài chính 2025 là 10% bằng cổ phiếu và phương án cổ tức năm tài chính 2026 là 10% mệnh giá (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) bằng tiền mặt và/hoặc cổ phiếu.

* Cổ đông cũng thông qua phương án phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với dự kiến 10,86 triệu cổ phiếu sẽ được phát hành trong năm 2026 – tương đương 0,968% lượng cổ phiếu đang lưu hành. Giá phát hành đề xuất là 12.000 đồng/cổ phiếu, và thời gian hạn chế chuyển nhượng dự kiến là một năm. Trong lịch sử, các đợt phát hành ESOP của KDH giai đoạn 2020-2025 chiếm lần lượt 1,5%/1,5%/1,5%/1,5%/1,4%/1,0% tổng lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm đầu mỗi năm tương ứng.

* Cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm của bà Nguyễn Thị Diệu Phương - thành viên Hội đồng Quản trị và bà Vương Hoàng Thảo Linh - thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027, theo đơn từ nhiệm.

* Cổ đông cũng chấp thuận bổ nhiệm thành viên mới cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027, lần lượt là ông Lê Hoàng Khởi và bà Lê Thị Mai Khanh. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PNJ: Kế hoạch LNST tăng 21% YoY trong năm 2026; tầm nhìn dài hạn trở thành hệ sinh thái phong cách sống đa dạng - Báo cáo ĐHCĐ

1. Các nghị quyết chính tại ĐHCĐ:

* Kế hoạch năm 2026:

- Doanh thu gộp: 48.660 tỷ đồng (+37% YoY); LNST: 3.409 tỷ đồng (+21% YoY).

- Với việc LNST kế hoạch tương đương 134% dự báo hiện tại của chúng tôi, và xét đến truyền thống của PNJ là vượt kế hoạch LNST bình quân 14% trong giai đoạn 2021-2025, chúng tôi nhận thấy tiềm năng tăng dự báo năm 2026 của chúng tôi cho PNJ, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Cổ tức tiền mặt năm 2025 & 2026: 2.000 đồng/cổ phiếu (lợi suất 1,8%).

* Chương trình ESOP năm tài chính 2026: Thông qua phát hành cổ phiếu với giá 20.000 đồng/cổ phiếu trong năm 2027, tỷ lệ phát hành tối đa là 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 3 năm: 30% được chuyển nhượng sau Năm 1, 30% tiếp theo sau Năm 2, và 40% còn lại sau Năm 3.

- Kịch bản 1: Nếu tổng lợi nhuận cổ đông (TSR) của PNJ gồm tăng trưởng giá cổ phiếu và lợi suất cổ tức trong năm 2026 trừ đi tăng trưởng chỉ số VN-Index trong năm 2026 bằng hoặc vượt 5%, thì tỷ lệ phát hành tối đa là 1%. Tỷ lệ phát hành tương ứng với LNST thực tế năm 2026 được thể hiện trong bảng dưới đây.

- Kịch bản 2: Nếu TSR của PNJ trong năm 2026 trừ đi tăng trưởng chỉ số VN-Index trong năm 2026 thấp hơn 5%, thì tỷ lệ phát hành tối đa là 0,8% và tỷ lệ phát hành tương ứng với LNST thực tế năm 2026 bằng 80% so với kịch bản 1.

* Kế hoạch thưởng tiền mặt năm tài chính 2026 cho HĐQT và lãnh đạo chủ chốt: Thưởng 50 tỷ đồng nếu LNST thực tế năm 2026 = LNST kế hoạch năm 2026. Khoản thưởng bổ sung tương đương 10% phần LNST vượt kế hoạch sẽ được chi trả nếu LNST thực tế năm 2026 vượt mức kế hoạch.

2. Chiến lược kinh doanh & kế hoạch dài hạn:

* Các dự án kinh doanh mới của PNJ (MANCODE by PNJ, CAO Fine Jewelry, ARTA by PNJ, Style by PNJ, và PNJ x Hello Kitty) ghi nhận tổng doanh thu tăng gấp 3,1 lần trong năm 2025 so với năm 2021. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi ARTA by PNJ (+15,4 lần, từ mức nền thấp), Style by PNJ (+6,2 lần), trang sức hợp tác quốc tế (+5,5 lần), CAO Fine Jewelry (+3,7 lần), và MANCODE by PNJ (+2,3 lần).

* Chiến lược dài hạn của PNJ là phát triển thành hệ sinh thái phong cách sống đa dạng, với bán lẻ trang sức vẫn là mảng cốt lõi. Công ty đang mở rộng (1) các thương hiệu hợp tác quốc tế (ví dụ: Disney, Hello Kitty), (2) các thương hiệu phong cách sống (Style by PNJ, MANCODE by PNJ, ARTA by PNJ, PNJ Watch, Canali), và (3) các dịch vụ tài chính & giải pháp tài sản (An Tin), nhằm mở rộng các phân khúc khách hàng và thị trường.

* Mở rộng mạng lưới cửa hàng: Ban lãnh đạo duy trì mục tiêu đạt tổng số 500 cửa hàng vào năm 2030 (so với 430 cửa hàng cuối quý 1/2026). Số lượng mở rộng cửa hàng cụ thể hàng năm không được công bố. PNJ sẽ tập trung vào việc nâng cao chất lượng cửa hàng.

* Tỷ suất lợi nhuận: Ban lãnh đạo đặt mục tiêu biên lợi nhuận gộp đạt 17%-20% trong những năm tới.

3. Kết quả sơ bộ quý 1/2026: Doanh thu thuần đạt 17,2 nghìn tỷ đồng (+79% YoY; 45% dự báo năm 2026 của chúng tôi) và LNST đạt 1.467 tỷ đồng (+117% YoY; 58% dự báo năm 2026 của chúng tôi), vượt kỳ vọng của chúng tôi.

* Kết quả của từng mảng:

- Doanh thu bán lẻ (48% tổng doanh thu quý 1/2026) tăng 22% YoY trong quý 1/2026, điều mà chúng tôi cho là do giá bán cao hơn (phản ánh giá vàng tăng).

- Doanh thu bán sỉ (9% tổng doanh thu) tăng 34% YoY trong quý 1/2026.

- Doanh thu vàng miếng (43% tổng doanh thu) tăng mạnh 325% trong quý 1/2026 từ mức nền thấp của quý 1/2025 khi PNJ chịu ảnh hưởng từ các thách thức trong việc thu mua vàng nguyên liệu.

* Tỷ suất lợi nhuận: Biên lợi nhuận gộp giảm 1,3 điểm % YoY xuống 20% trong quý 1/2026 do tỷ trọng doanh thu từ vàng miếng (vốn có biên lợi nhuận thấp hơn) cao hơn (tỷ trọng doanh thu vàng miếng: 43% trong quý 1/2026 so với 18% trong quý 1/2025). Trong khi đó, biên lợi nhuận ròng cải thiện 1,5 điểm % YoY lên 8,5% trong quý 1/2026.

* Mạng lưới cửa hàng: Số lượng cửa hàng của PNJ giảm một cửa hàng xuống còn 430 cửa hàng vào cuối quý 1/2026 so với cuối năm 2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

QTP: Áp lực lợi nhuận từ kế hoạch tạm dừng để nâng cấp nhà máy – Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) vào ngày 22/04/2026. Nhìn chung, ban lãnh đạo nhấn mạnh áp lực lợi nhuận năm 2026 xuất phát từ kế hoạch dừng máy để thực hiện dự án nâng cấp hệ thống xử lý khí thải, đồng thời khẳng định sự cần thiết của dự án nhằm đảm bảo hoạt động dài hạn theo các tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt hơn.

* Cổ đông đã thông qua kế hoạch LNST năm 2026 đạt 321 tỷ đồng (-69% YoY; -30% so với kế hoạch 2025; 46% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Kế hoạch thấp này chủ yếu phản ánh kế hoạch dừng hoạt động cả bốn tổ máy trong tháng 11-12/2026 để thực hiện dự án nâng cấp xử lý khí thải. Trong giai đoạn 2021-2024, LNST sau lợi ích CĐTS thực tế của QTP đã vượt kế hoạch trung bình 47%. Do đó, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo của chúng tôi cho QTP.

* Cổ đông đã thông qua cổ tức tiền mặt năm 2025 là 1.000 đồng/cổ phiếu (đã chi trả vào tháng 01/2026) và cũng thông qua cổ tức tiền mặt năm 2026 là 700 đồng/cổ phiếu (thấp hơn dự báo 1.200 đồng/cổ phiếu của chúng tôi). Trong giai đoạn 2021-2025, cổ tức tiền mặt thực tế đã chi trả của QTP cao hơn kế hoạch trung bình 40%. Do đó, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo cổ tức tiền mặt của chúng tôi.

* Quan điểm của chúng tôi: Mặc dù chúng tôi kỳ vọng kết quả quý 2/2026 khả quan nhờ sản lượng huy động cao hơn (tỷ lệ Qc khoảng 80%) và chênh lệch giá cải thiện trong bối cảnh giá CGM cao hơn và chi phí than tương đối ổn định, chúng tôi nhận thấy rủi ro giảm đối với lợi nhuận cả năm do sản lượng có khả năng sụt giảm trong quý 4/2026 từ kế hoạch dừng máy để nâng cấp khí thải. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

STB: Ông Thụy trở thành Phó Chủ tịch STB; KQKD quý 1/2026 hoàn thành 44% kế hoạch của ngân hàng - Báo cáo ĐHCĐ

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB) vào ngày 22/04/2026. Các nội dung thảo luận chính của cuộc họp bao gồm (1) kế hoạch kinh doanh năm 2026, (2) tiến độ triển khai đề án tái cơ cấu của STB, và (3) chiến lược dài hạn.

* ĐHCĐ có sự tham dự của 140 cổ đông và người được ủy quyền, đại diện cho 80,6% tổng số quyền biểu quyết. Trong khi đó, ĐHCĐ năm tài chính 2025 tổ chức tại TP.HCM ghi nhận 1.031 cổ đông và người được ủy quyền tham dự, đại diện cho 66,4% tổng số quyền biểu quyết.

* Cổ đông đã thông qua việc thay đổi (1) tên của Sacombank từ “Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín” thành “Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài Lộc” và (2) chuyển trụ sở chính hiện tại từ Quận 3, TP.HCM đến khu lõi của Trung tâm Tài chính Quốc tế theo quy hoạch của thành phố, nhằm củng cố định vị thương hiệu và nâng tầm vị thế chiến lược dài hạn của ngân hàng.

* Kế hoạch năm 2026

- LNTT: 8,1 nghìn tỷ đồng (+6,2% YoY), thấp hơn so với dự báo hiện tại của chúng tôi là 16,1 nghìn tỷ đồng (+118% YoY).

- Tăng trưởng tín dụng: 11,7% hoặc theo hạn mức tín dụng được NHNN cấp.

- Tăng trưởng huy động vốn: 10,2%.

- Tỷ lệ nợ xấu: < 5% so với 6,4% trong quý 4/2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

VIC: Kế hoạch LNST năm 2026 tăng mạnh được hỗ trợ bởi triển vọng doanh số bán BDS; VinFast đặt mục tiêu có lời EBITDA vào năm sau; IPO của GSM có thể thực hiện trong nửa cuối năm 2028 - Báo cáo ĐHCĐ

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ của Tập đoàn VINGROUP (VIC) vào ngày 22/04.

Các điểm chính ghi nhận được từ những trao đổi của Chủ tịch HĐQT tại ĐHCĐ:

Chủ tịch cho biết VinFast được kỳ vọng sẽ ghi nhận mức EBITDA dương vào năm sau, đồng thời cung cấp thêm chi tiết về mục tiêu bàn giao xe điện, chiến lược và kế hoạch vốn của VinFast trong năm 2026.

* Kế hoạch bàn giao xe điện trong năm 2026: VinFast đặt mục tiêu tổng doanh số bàn giao ô tô điện toàn cầu sẽ đạt ít nhất 300.000 xe (tương đương khoảng +52% YoY) trong năm 2026, trong đó Việt Nam đóng góp hơn 200.000 chiếc (cao hơn so với 175.099 ô tô điện đã bàn giao tại Việt Nam trong năm 2025).

* Kế hoạch vốn năm 2026: Chủ tịch cho biết nguồn vốn cho VinFast trong năm 2026 về cơ bản đã được thu xếp. Chúng tôi cho rằng nguồn vốn này chủ yếu sẽ đến từ sự tiếp tục hỗ trợ của Chủ tịch HĐQT và các kế hoạch huy động vốn của tập đoàn.

* Triển vọng lợi nhuận: Chủ tịch cho biết VinFast đặt mục tiêu ghi nhận mức EBITDA dương vào năm 2027.

* Chiến lược xe điện: Chủ tịch duy trì cam kết của VinFast trong việc thúc đẩy xe điện. Công ty cũng đang nghiên cứu các công nghệ hệ truyền động mới nhằm gia tăng quãng đường di chuyển. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

TCB: Năng lực triển khai hiệu quả các trụ cột kinh doanh chính sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận bất chấp các yếu tố vĩ mô bất lợi - Báo cáo Gặp gỡ HĐQT

Quan điểm của chúng tôi:

Chúng tôi tiếp tục đánh giá cao năng lực triển khai các chiến lược tăng trưởng dài hạn của TCB, bao gồm đa dạng hóa danh mục tín dụng và mở rộng sang các mảng dịch vụ mới (ví dụ: bảo hiểm nhân thọ), được hỗ trợ bởi nền tảng công nghệ vượt trội của ngân hàng. Trong khi đó, tình trạng thanh khoản hệ thống còn đang thiếu hụt cùng với xung đột Iran đang tạo ra những thách thức nhất định đối với ngân hàng trong ngắn hạn, đặc biệt là áp lực tiêu cực lên đến chi phí huy động vốn (COF) và NIM. Tuy nhiên, với tệp khách hàng chất lượng, bộ đệm LLR lớn, cùng nguồn vốn vững mạnh, chúng tôi cho rằng TCB đang sở hữu một vị thế tốt để vượt qua các khó khăn chung của toàn ngành và đạt mức tăng trưởng lợi nhuận tốt trong năm 2026. TCB có thể sẽ sớm công bố kế hoạch chi trả cổ tức năm 2025 trước thêm ĐHCĐ vào thứ Bảy, ngày 25/04. Nhìn chung, chúng tôi tiếp tục cho rằng TCB hiện đang có mức định giá hết sức hấp dẫn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

Cập nhật Vĩ mô: Thị trường lao động vẫn khả quan dù bị ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ

* Lực lượng lao động suy giảm nhẹ so với quý trước do yếu tố mùa vụ: Trong quý 1/2026, lực lượng lao động của Việt Nam giảm khoảng 232.900 người so với quý trước (QoQ) (-0,4% QoQ) đạt 53,6 triệu người từ mức đỉnh 53,8 triệu người trong quý 4/2025. Tuy nhiên, con số này vẫn tăng 687.800 người so với cùng kỳ (YoY) (+1,3% YoY). Theo đó, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động giảm 44 điểm cơ bản QoQ xuống 68,3%. Mức giảm theo quý này có thể chỉ là tạm thời, phản ánh các gián đoạn liên quan đến Tết thay vì do suy giảm.

* Xu hướng việc làm trái chiều, với khu vực Dịch vụ là khu vực duy nhất ghi nhận mức tăng nhẹ so với quý trước: Tương tự như tổng lực lượng lao động, tổng số việc làm giảm 233.400 người QoQ, nhưng tăng 656.800 người YoY đạt 52,5 triệu người trong quý 1/2026. So với quý trước, khu vực Dịch vụ tạo thêm khoảng 5.100 việc làm, đạt 21,5 triệu người (+426.200 YoY), trong khi việc làm trong khu vực Công nghiệp và Xây dựng (-133.900 QoQ; +417.900 YoY) và Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản (-104.600 QoQ; -187.400 YoY) giảm xuống lần lượt đạt 17,7 triệu và 13,3 triệu người.

* Việc làm chính thức giảm so với quý trước, trong khi xu hướng chính thức hóa việc làm nhìn chung vẫn được duy trì: Trong quý 1/2026, số lao động có việc làm chính thức giảm lần đầu tiên trong một năm, với mức giảm khoảng 231.000 người QoQ (-1,2% QoQ) xuống 19,9 triệu người, nhưng vẫn tăng 1,4 triệu người YoY (+7,6% YoY). Trong khi đó, số lao động có việc làm phi chính thức gần như không thay đổi so với quý trước ở mức 32,7 triệu người và giảm 742.200 người YoY (-2,2% YoY), cho thấy sự cải thiện liên tục trong quá trình chính thức hóa thị trường lao động so với cùng kỳ.

* Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm nhìn chung ổn định: Cả tỷ lệ thất nghiệp (1,1 triệu người; 2,1%) và tỷ lệ thiếu việc làm (860.400 người; 1,6%) đều gần như không thay đổi so với quý 4/2025 cả về giá trị tuyệt đối lẫn tỷ lệ. Số người thất nghiệp tăng 31.000 người so với cùng kỳ, do tốc độ tăng trưởng lực lượng lao động vượt tốc độ tăng trưởng việc làm, trong khi số người thiếu việc làm giảm 10.800 người.

* Tăng trưởng thu nhập vẫn ổn định ở tất cả các lĩnh vực, mặc dù một phần mức tăng thu nhập so với quý trước có khả năng phản ánh các khoản thưởng Tết: Thu nhập bình quân nhìn chung tăng 3,8% QoQ và 8,5% YoY, đạt khoảng 9,0 triệu đồng/tháng, tương đương 342 USD. Trong số tất cả các khu vực, Dịch vụ vẫn là khu vực có mức thu nhập cao nhất với 10,6 triệu đồng/tháng, tương đương 401 USD (+1,8% QoQ; +7,1% YoY). Trong khi đó, thu nhập bình quân của khu vực Công nghiệp & Xây dựng và khu vực Nông, Lâm nghiệp & Thủy sản lần lượt đạt 9,8 triệu đồng/tháng (371 USD) (+4,9% QoQ; +7,4% YoY) và 5,5 triệu đồng/tháng (209 USD) (+5,6% QoQ; +13,1% YoY).

* Quý 1/2026 ghi nhận số lượng doanh nghiệp thành lập mới cao kỷ lục theo quý: Trong quý 1/2026, có 57.422 (+57,8% YoY) doanh nghiệp thành lập mới, cùng với 38.616 (+5,7% YoY) doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, đưa tổng số doanh nghiệp gia nhập thị trường lên 96.038 (+31,7% YoY). Ngược lại, 91.808 (+16,5% YoY) doanh nghiệp đã rời khỏi thị trường (trong đó 63.469 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn), dẫn đến số lượng doanh nghiệp gia nhập ròng là 4.230, so với mức rút lui ròng là 5.870 được ghi nhận trong quý 1/2025.

* Chúng tôi kỳ vọng thị trường lao động sẽ tiếp tục khả quan đến cuối năm, nhờ tăng trưởng kinh tế tích cực và nhu cầu tuyển dụng gia tăng. GDP quý 1/2026 tăng 7,8% YoY (mức cao nhất trong quý 1 kể từ năm 2010), và chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng năm 2026 ở mức 8,5% với các rủi ro giảm dự báo được theo dõi sát sao (xem thêm trong Báo cáo Cập nhật Ví mô của chúng tôi công bố ngày 10/04/2026). Ngoài ra, các kế hoạch tuyển dụng tại các trung tâm lao động lớn như Hà Nội (dự kiến tuyển dụng 120.000 lao động trong quý 2 – chiếm 3% tổng việc làm của Hà Nội năm 2024) và Đồng Nai (tuyển dụng 45.000 lao động – chiếm 2% tổng việc làm của tỉnh) cho thấy nhu cầu vẫn duy trì ở mức cao.

REE: Lợi nhuận vững chắc bất chấp tác động của El Nino cùng kế hoạch mở rộng công suất gấp 3 lần – Cập nhật

Ngành	Tiện ích		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	22/04/2026	TT Doanh thu	19,4%	20,4%	16,2%	40,1%
Giá hiện tại	64.500 VND	TT EPS	26,9%	13,6%	16,3%	27,3%
Giá mục tiêu	76.900 VND	LNST-CĐTS (tỷ đồng)	2.530	2.873	3.342	4.256
Giá mục tiêu gần nhất	75.900 VND	Biên LN ròng	25,3%	23,8%	23,9%	21,7%
TL tăng	19,2%	P/E	13,8x	12,2x	10,5x	8,2x
Lợi suất cổ tức	1,6%	P/B	1,7x	1,5x	1,3x	1,2x
Tổng mức sinh lời	20,8%	EV/EBITDA	9,6x	8,7x	7,0x	4,7x
GT vốn hóa	34,2 nghìn tỷ đồng			REE	VNI	
Room KN	0 đồng	P/E (trượt)		13,8x	16,6x	
GTGD/ngày (30n)	113 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,7x	2,2x	
Cổ phần Nhà nước	5,3%	ROA		6,6%	2,1%	
SL cổ phiếu lưu hành	542 tr	ROE		12,7%	14,2%	
Pha loãng	542 tr	Nợ ròng/VCSH		12,7%	N/A	

* Chúng tôi điều chỉnh tăng giá mục tiêu cho REE thêm 1% và duy trì khuyến nghị MUA.

* Giá mục tiêu cao hơn chủ yếu nhờ (1) định giá mảng điện gió tăng 47% (do công suất điện gió bổ sung dự kiến giai đoạn 2026-2030 tăng 62% lên mức 1.100 MW). Yếu tố này đã bù đắp cho (2) định giá mảng thủy điện giảm 9% (do tổng LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026-2030 giảm 9%) và (3) định giá mảng cho thuê văn phòng giảm 11% (do tổng LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026-2030 giảm 11%, hệ quả của việc giá thuê trung bình và tỷ lệ lấp đầy thấp hơn dự kiến).

* Chúng tôi nâng mức dự báo tổng LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026-2030 thêm 5% (với các mức điều chỉnh tương ứng là -3%/-18%/-5%/+12%/+26%), chủ yếu nhờ tổng LNST mảng cơ điện (M&E) tăng 59% và mảng điện tăng 1%. Điều này đã bù đắp cho mức giảm 11% của tổng LNST mảng cho thuê văn phòng.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 tăng 14% YoY nhờ sự tăng trưởng ở tất cả các mảng ngành nghề: M&E tăng 85% YoY (nhờ tăng trưởng doanh thu và không còn trích lập dự phòng), văn phòng cho thuê tăng 26% YoY (nhờ sự phục hồi của tỷ lệ lấp đầy), bất động sản tăng gấp 2,3 lần YoY (đến từ tiềm năng bán lô lớn), và mảng điện tăng 6% YoY (96 MW công suất điện gió mới bù đắp cho sự sụt giảm lợi nhuận thủy điện).

* Ngoài ra, chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2027 tăng 16% YoY, được thúc đẩy bởi (1) mảng điện tăng 24% YoY (lợi nhuận điện gió gấp đôi giúp bù đắp sự sụt giảm của thủy điện do El Nino), (2) văn phòng cho thuê tăng 31% YoY (tiếp đà phục hồi tỷ lệ lấp đầy), và (3) M&E tăng 25% YoY (nhờ doanh thu cao hơn).

* Định giá của REE hiện ở mức hấp dẫn với P/E dự phóng 2026 là 12,2 lần, thấp hơn 20% so với mức P/E trung vị 2 năm qua và tương ứng với hệ số PEG là 0,6 (dựa trên tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) của LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026-2028 là 22%).

* Rủi ro: Trì hoãn tại các dự án điện gió/điện mặt trời nổi mới; doanh thu mảng M&E thấp hơn kỳ vọng.

* Yếu tố hỗ trợ: Khả năng hoàn nhập 580 tỷ đồng dự phòng mảng M&E; khoản lãi tiềm năng từ việc bán chứng khoán kinh doanh (VIB) trong dài hạn; đầu tư dự án điện gió ngoài khơi 500 MW.

TV2: Lợi nhuận tăng tốc khi danh mục dự án EPC dồn bước vào giai đoạn triển khai - Cập nhật

Ngành	Điện		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	22/04/2026	TT Doanh thu	-0,1%	262,1%	71,7%	-55,1%
Giá hiện tại	37.000 VND	EPS báo cáo y/y	24,7%	184,3%	88,8%	-26,7%
Giá mục tiêu	49.000 VND	NPATMI, báo cáo	95	213	401	294
Giá mục tiêu gần nhất	43.900 VND	Biên LN ròng	7,1%	4,4%	4,8%	7,9%
TL tăng	32,4%	P/E báo cáo	42,0x	14,8x	7,8x	10,7x
Lợi suất cổ tức	2,7%	EV/EBITDA	15,1x	7,3x	3,4x	5,2x
Tổng mức sinh lời	35,1%	P/B	2,0x	1,8x	1,4x	1,3x
GT vốn hóa	2,4 nghìn tỷ đồng			TV2	VNI	
Room KN	178,8 tỷ đồng	P/E (trượt)		42,0x	16,6x	
GTGD/ngày (30n)	18,4 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		2,0x	2,2x	
Cổ phần Nhà nước	51%	Nợ ròng/VCSH		-80,7%	N/A	
SL cổ phiếu lưu hành	67,5 tr	ROE		7,3%	14,2%	
Pha loãng	67,5 tr	ROA		3,7%	2,1%	

* Chúng tôi nâng mức giá mục tiêu cho TV2 thêm 11,6% lên 49.000 đồng/cổ phiếu và duy trì khuyến nghị MUA. Giá mục tiêu cao hơn do (1) tác động tích cực từ việc chuyển cơ sở định giá P/E từ giữa năm 2026 sang cuối năm 2026 và (2) điều chỉnh tăng 12% dự báo tổng LNST (với các mức điều chỉnh tương ứng là 0%/+27%/+9%/+5% cho các năm 2026/2027/2028/2029) khi chúng tôi bổ sung doanh thu tiềm năng từ các nhà máy điện sinh khối Yên Bái 1 và Tuyên Quang bắt đầu từ năm 2026.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 đạt 213 tỷ đồng (gấp 2,2 lần YoY), nhờ (1) doanh thu mảng Thiết kế - Thu mua - Xây dựng (EPC) gấp 7,1 lần YoY và (2) lợi nhuận từ các công ty liên kết tăng 48% YoY. Những yếu tố này bù đắp cho (3) chi phí tài chính cao tăng 59% YoY, (4) không còn khoản thu nhập bất thường, và (5) chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp (SG&A) tăng tương ứng với doanh thu EPC trong năm 2026.

* Dự báo LNST sau lợi ích CĐTS sẽ đạt đỉnh tại mức 401 tỷ đồng (+89% YoY) vào năm 2027, chủ yếu nhờ doanh thu EPC tăng 85% YoY khi nhiều hợp đồng lớn bước vào giai đoạn thi công chính, bao gồm nhà máy điện Ô Môn IV, điện sinh khối Yên Bái 1 và Tuyên Quang, cùng các dự án điện gió.

* Dự báo tốc độ tăng trưởng kép doanh thu và LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2025-2030 lần lượt đạt 11% và 20%. Đà tăng trưởng được thúc đẩy bởi (1) giá trị hợp đồng EPC dồn bước ước tính 12.000 tỷ đồng, bao gồm các hợp đồng cho nhà máy điện Ô Môn IV, 3 dự án điện sinh khối và 2 dự án điện gió; (2) lợi nhuận mảng tư vấn điện cao hơn nhờ hoạt động dự án gia tăng và các hợp đồng tư vấn tiềm năng từ các dự án điện hạt nhân (trang 7); và (3) sự tăng trưởng ổn định từ dịch vụ vận hành & bảo trì với kỳ vọng TV2 sẽ ký thêm các hợp đồng vận hành với quy mô 300 MW mỗi năm trong giai đoạn 2026-2030.

* Theo quan điểm của chúng tôi, định giá của TV2 có vẻ hấp dẫn với P/E dự phóng năm 2026 là 14,8 lần, thấp hơn 45% so với mức P/E trung bình 5 năm của cổ phiếu này.

* Yếu tố hỗ trợ: Tập đoàn Toyo Ink Group Berhad (Malaysia), chủ đầu tư Sông Hậu 2, thành công trong việc gia hạn hợp đồng xây dựng-vận hành-chuyển giao (BOT) với Bộ Công Thương (trang 9); các hợp đồng EPC tiềm năng tại dự án Ô Môn II và Ô Môn III (trang 9).

MSR: Báo cáo Thăm Doanh nghiệp

* Chúng tôi đã tham dự chuyến thăm cơ sở vận hành của MSR tại Thái Nguyên vào ngày 18/04/2026. Chúng tôi đã ghé thăm mỏ Núi Pháo 1B, nhà máy sàng rung tinh quặng vonfram, nơi tinh quặng vonfram được tách chiết từ quặng Núi Pháo thô đã nghiền, và nhà máy tinh luyện vonfram MTC. Chuyến thăm giúp chúng tôi quan sát trực tiếp các công đoạn khai thác mỏ, chế biến quặng và tinh luyện hạ nguồn trong chuỗi giá trị vonfram của MSR.

* Ban lãnh đạo tái khẳng định vị thế cạnh tranh vượt tầm thế giới của MTC. MTC là một trong những nhà máy tinh luyện vonfram lớn nhất thế giới ngoài Trung Quốc. Ban lãnh đạo cũng nhấn mạnh vị thế cạnh tranh về chi phí của MTC, với mức chi phí nhìn chung tương đương Trung Quốc và bằng khoảng một nửa so với các doanh nghiệp cùng ngành tại EU, trong khi chất lượng sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của EU và hỗ trợ xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Mỹ, EU và Canada. Ngoài ra, MTC là một trong số ít cơ sở có khả năng xử lý đa dạng các nguồn đầu vào tinh quặng vonfram phức tạp.

* Bên cạnh giá vonfram, việc gia tăng nguồn quặng tự khai thác từ mỏ Núi Pháo sẽ đóng vai trò là một động lực quan trọng đối với tăng trưởng lợi nhuận dài hạn. Ban lãnh đạo cho biết trong năm 2026, theo kỳ vọng của công ty, quặng nội bộ từ mỏ Núi Pháo sẽ chỉ đóng góp khoảng 1.200–1.300 tấn WO₃, thấp hơn đáng kể so với mục tiêu sản lượng bán vonfram của MSR là 5.000–5.500 tấn WO₃. Điều này có nghĩa là phần lớn nguồn nguyên liệu đầu vào vẫn sẽ cần phải được huy động từ các nguồn bên ngoài trong năm nay. Trong năm 2026, nguồn nguyên liệu nội bộ vẫn bị hạn chế do quá trình chuyển giao từ mỏ Núi Pháo 1A sang 1B. Tuy nhiên, ban lãnh đạo kỳ vọng đóng góp từ mỏ Núi Pháo sẽ trở nên rõ nét hơn từ năm 2027 trở đi, với sản lượng dài hạn từ mỏ tăng lên khoảng 3.000–4.000 tấn WO₃/năm. Ban lãnh đạo cho biết, biên lợi nhuận của quặng nội bộ cao hơn đáng kể so với của nguyên liệu mua ngoài, qua đó cho thấy thay đổi trong cơ cấu nguyên vật liệu đầu vào, với đóng góp từ nguồn quặng nội bộ được kỳ vọng sẽ gia tăng trong dài hạn, sẽ giúp cải thiện đáng kể khả năng sinh lời của MSR theo thời gian.

* Phân tích độ nhạy của chúng tôi cho thấy tiềm năng tăng trưởng đáng kể dựa trên mặt bằng giá APT hiện tại. Giữ nguyên các biến số khác, nếu giá APT bình quân giai đoạn 2026–2028 duy trì gần mức giá giao ngay hiện tại là khoảng 3.000 USD/MTU (tương đương giá định giá từ năm 2029 trở đi duy trì ở mức 2.200 USD/MTU mỗi năm), so với giá định kịch bản cơ sở của chúng tôi là 1.680–1.700 USD/MTU cho giai đoạn 2026–2028 và 1.200 USD/MTU từ năm 2029 trở đi, thì mức vốn hóa thị trường hợp lý tương ứng của MSR có thể đạt khoảng 3,9–5,6 tỷ USD (cao hơn so với khoảng 2,3–3,2 tỷ USD trong kịch bản cơ sở, và so với vốn hóa thị trường hiện tại là gần 2,0 tỷ USD tính đến ngày 18/04/2026). Khoảng ước tính vốn hóa thị trường hợp lý của chúng tôi phụ thuộc vào bội số EV/EBITDA mục tiêu được áp dụng, với mức 12,1 lần nếu chỉ xét nhóm doanh nghiệp cùng ngành tại Trung Quốc và 18,6 lần khi kết hợp cả nhóm doanh nghiệp cùng ngành tại Trung Quốc và ngoài Trung Quốc.

* Việc niêm yết trên sàn HOSE dự kiến sẽ diễn ra trong năm 2027. Ban lãnh đạo kỳ vọng MSR sẽ đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết trong năm nay, bao gồm hai năm liên tiếp có lãi, ROE tối thiểu 5% và tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng tối thiểu 10%. Theo ban lãnh đạo, mục tiêu của việc niêm yết là giảm đòn bẩy, nâng cao khả năng chống chịu của công ty trước những biến động của thị trường, và thu hút nhà đầu tư chiến lược vào MSR.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	82%	76	0,0	14.200	25.500	80%	0,0%	80%	KQ	17/01/25	40,2	9,6	15,2	1,1
DGC	Công nghiệp	43%	790	8,7	54.800	91.200	66%	5,5%	72%	MUA	02/03/26	7,3	7,0	15,2	1,4
KDH	Bất động sản	22%	1.095	4,6	25.700	43.700	70%	0,0%	70%	MUA	09/03/26	29,5	18,5	20,5	1,6
HVN	Hàng không	22%	2.694	0,8	22.800	37.100	63%	0,0%	63%	KQ	22/07/25	9,7	8,2	19,1	12,0
NLG	Bất động sản	9%	524	4,0	28.450	45.800	61%	1,4%	62%	MUA	09/03/26	16,6	20,6	20,5	1,1
FPT	CNTT	17%	4.826	25,4	74.600	116.600	56%	3,1%	59%	MUA	22/10/25	14,7	13,2	19,7	3,5
SZC	KCN	16%	193	0,7	28.300	42.400	50%	3,5%	53%	KQ	01/07/25	16,0	14,5	20,5	1,6
PVS	Dầu khí	33%	738	7,4	38.000	58.100	53%	0,0%	53%	MUA	26/02/26	13,3	12,8	21,5	1,3
BMI	Bảo hiểm	22%	88	0,3	15.450	23.100	50%	3,2%	53%	MUA	12/04/24	10,3	6,1	17,0	0,8
VGC	KCN	47%	755	1,6	44.350	64.100	45%	5,0%	49%	MUA	21/10/25	14,2	12,7	15,6	2,3
SSI	Chứng khoán	68%	2.663	29,9	28.150	40.800	45%	3,6%	48%	KQ	27/08/25	14,2	15,4	19,0	2,2
PLC	Dầu khí	48%	69	0,3	22.500	31.900	42%	4,4%	46%	MUA	12/09/25	133,9	7,2	15,2	1,5
PVT	Dầu khí	36%	397	6,2	22.250	30.800	38%	4,5%	43%	MUA	13/03/26	10,5	7,2	13,1	1,2
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	42%	2.194	1,2	45.050	59.000	31%	11,1%	42%	MUA	06/01/26	13,5	12,8	14,8	2,7
ACG	Gỗ	12%	192	0,0	33.600	45.800	36%	5,1%	41%	MUA	15/07/25	10,6	8,4	14,1	1,2
VPB	Ngân hàng	5%	8.301	20,1	27.550	38.000	38%	1,8%	40%	MUA	19/11/25	9,1	7,2	11,3	1,3
BMP	VLXD	20%	466	1,3	150.000	192.500	28%	10,7%	39%	MUA	12/11/25	10,1	8,8	15,6	3,9
BWE	Điện & Nước	46%	363	1,1	43.500	58.700	35%	3,0%	38%	MUA	02/02/26	11,6	10,5	12,2	1,6
ACB	Ngân hàng	3%	4.604	9,8	23.600	32.000	36%	0,0%	36%	MUA	05/03/26	7,9	6,4	11,3	1,3
MBB	Ngân hàng	0%	8.015	19,0	26.200	35.000	34%	1,9%	35%	MUA	13/03/26	8,5	6,6	11,3	1,6
MCH	Bán lẻ	85%	6.887	1,3	140.100	181.700	30%	4,3%	34%	PHTT	28/11/25	27,2	23,7	14,8	10,0
HDC	Bất động sản	47%	140	2,3	18.450	24.600	33%	0,0%	33%	KQ	09/01/26	5,8	11,8	20,5	1,3
GEX	Điện & Nước	43%	1.403	15,1	40.950	54.000	32%	1,2%	33%	MUA	30/12/25	24,1	26,9	13,1	2,1
DCM	Phân bón	40%	902	8,1	44.850	57.600	28%	4,5%	33%	MUA	10/03/26	13,2	8,5	15,2	2,2
HPG	VLXD	26%	8.220	40,7	28.200	36.600	30%	1,8%	32%	MUA	04/04/26	14,5	10,2	14,1	1,7
GMD	GTVT	7%	1.190	5,6	73.500	93.900	28%	3,1%	31%	MUA	26/02/26	19,9	13,0	13,1	2,4
HDG	Điện & Nước	30%	389	3,1	27.700	36.200	31%	0,0%	31%	MUA	23/03/26	15,0	12,3	20,5	1,5

TLG	Văn phòng phẩm	89%	184	0,4	50.200	61.900	23%	7,0%	30%	MUA	12/09/25	10,7	8,2	10,0	1,9
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	616	0,2	44.100	53.400	21%	9,1%	30%	KQ	30/08/24	8,4	6,3	14,8	1,5
TCB	Ngân hàng	0%	8.881	17,8	33.000	41.500	26%	3,6%	29%	MUA	04/03/26	9,2	7,8	11,3	1,3
NT2	Điện & Nước	36%	277	1,0	25.350	30.300	20%	9,9%	29%	MUA	26/02/26	7,6	6,9	12,2	1,5
CTG	Ngân hàng	5%	10.294	9,4	34.900	44.900	29%	0,0%	29%	MUA	10/03/26	8,9	7,8	11,3	1,5
POW	Điện & Nước	47%	1.515	6,8	13.000	16.700	28%	0,0%	28%	MUA	27/03/26	16,3	16,5	12,2	1,2
MSN	Bán lẻ	76%	4.338	18,8	79.000	101.200	28%	0,0%	28%	MUA	21/05/25	27,8	26,9	13,1	3,2
DXG	Bất động sản	30%	621	11,2	14.700	18.700	27%	0,0%	27%	MUA	06/04/26	70,7	73,9	20,5	1,2
PVD	Dầu khí	38%	673	6,5	31.900	40.300	26%	0,0%	26%	MUA	09/04/26	19,7	15,9	21,5	1,1
HDB	Ngân hàng	5%	5.047	21,1	26.550	33.000	24%	1,9%	26%	MUA	06/03/26	7,4	6,3	11,3	1,8
TV2	Điện & Nước	7%	92	0,7	35.750	43.900	23%	2,8%	26%	MUA	18/09/25	40,7	14,2	13,1	1,9
VCB	Ngân hàng	10%	18.849	15,8	59.400	73.500	24%	0,8%	24%	MUA	17/03/26	15,3	12,6	11,3	2,2
KBC	KCN	40%	1.229	5,4	34.350	42.500	24%	0,0%	24%	MUA	13/03/26	15,1	10,9	20,5	1,3
GAS	Dầu khí	47%	7.157	5,0	78.100	93.600	20%	3,2%	23%	MUA	14/04/26	16,8	15,3	12,2	2,8
AST	DV Hàng không	3%	117	0,0	68.700	80.600	17%	5,1%	22%	MUA	26/08/25	12,4	12,0	13,1	5,3
IDC	KCN	33%	670	4,5	46.500	54.600	17%	4,3%	22%	MUA	17/03/26	9,2	8,9	20,5	2,7
BID	Ngân hàng	13%	11.128	11,4	40.250	48.800	21%	0,0%	21%	MUA	01/04/26	10,6	9,5	11,3	1,7
QTP	Điện & Nước	-1%	220	0,5	12.900	14.600	13%	7,8%	21%	MUA	10/12/25	5,7	8,8	12,2	1,0
SIP	KCN	46%	546	1,2	59.400	69.800	18%	3,4%	21%	MUA	22/12/25	11,5	11,1	20,5	2,8
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.905	10,3	61.800	70.300	14%	6,5%	20%	MUA	24/04/25	13,7	14,7	14,8	4,2
FRT	Bán lẻ	17%	969	3,1	149.900	178.800	19%	0,7%	20%	MUA	13/11/25	32,2	22,7	13,1	6,1
REE	Điện & Nước	0%	1.333	4,1	64.800	75.900	17%	1,5%	19%	MUA	23/02/26	25,4	11,9	13,1	1,7
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	80%	530	1,6	62.200	71.600	15%	3,2%	18%	MUA	26/01/26	10,2	7,9	14,8	1,5
PHR	Công nghiệp	35%	316	0,6	61.500	71.300	16%	2,2%	18%	MUA	25/03/26	18,0	8,9	15,2	2,1
MWG	Bán lẻ	0%	4.818	24,1	86.400	101.000	17%	1,2%	18%	MUA	14/10/25	18,0	15,2	13,1	3,9
PC1	Điện & Nước	33%	405	7,2	25.900	30.500	18%	0,0%	18%	MUA	02/02/26	10,9	9,7	15,6	1,6
DPG	Điện & Nước	30%	191	0,9	42.400	48.700	15%	2,4%	17%	MUA	06/01/26	10,7	6,5	15,6	2,3
TDM	Điện & Nước	49%	241	1,2	57.200	65.300	14%	2,6%	17%	KQ	02/02/26	32,9	30,9	12,2	2,4
DXS	Bất động sản	43%	157	0,8	7.150	8.300	16%	0,0%	16%	KQ	06/04/26	13,1	12,3	20,5	0,7
DPM	Phân bón	44%	723	6,2	28.000	31.200	11%	4,3%	16%	PHTT	10/03/26	21,4	12,6	15,2	1,7

CTR	CNTT	44%	369	1,2	85.000	96.800	14%	1,8%	16%	KQ	14/04/26	16,2	13,9	15,6	4,7
PPC	Điện & Nước	44%	122	0,3	10.050	11.000	9%	5,0%	14%	KQ	10/12/25	19,8	10,0	12,2	0,7
DHC	Công nghiệp	15%	134	0,4	36.500	40.100	10%	3,6%	13%	MUA	16/12/25	9,0	8,7	14,1	1,6
ACV	Hàng không	47%	6.103	1,2	45.200	50.100	11%	0,0%	11%	PHTT	06/04/26	14,8	14,1	13,1	2,3
PTB	Công nghiệp	9%	151	0,3	49.350	52.000	5%	4,3%	10%	KQ	06/10/25	6,6	8,5	14,1	1,2
PLX	Xăng dầu	6%	1.882	6,0	39.000	41.100	5%	3,1%	8%	MUA	13/10/25	20,2	16,9	21,5	1,9
VIB	Ngân hàng	0%	2.236	5,6	17.300	18.500	7%	0,0%	7%	KQ	23/05/25	8,1	6,6	11,3	1,3
BSR	Lọc hóa dầu	47%	4.935	14,6	25.950	27.000	4%	2,7%	7%	PHTT	18/03/26	25,0	7,9	21,5	2,2
NVL	Bất động sản	44%	1.591	16,1	18.750	20.000	7%	0,0%	7%	MUA	01/10/25	21,8	104,7	20,5	0,9
VEA	Ô-tô	48%	1.683	0,4	33.500	30.800	-8%	14,4%	6%	PHTT	28/10/25	6,1	6,3	13,1	1,7
SCS	DV Hàng không	19%	194	0,3	53.900	51.200	-5%	10,2%	5%	PHTT	13/01/26	6,8	7,3	19,1	3,1
PNJ	Bán lẻ	0%	1.425	5,6	110.000	113.500	3%	1,8%	5%	MUA	07/11/25	14,3	16,0	10,0	2,8
F88	Tài chính TT	42%	671	0,4	160.300	168.000	5%	0,0%	5%	KQ	21/01/26	24,5	17,9	#N/A	7,2
VTP	GTVT	44%	445	1,9	67.700	69.000	2%	2,2%	4%	PHTT	06/09/24	23,7	19,9	13,1	6,6
VRE	Bất động sản	37%	2.585	6,5	29.950	30.700	3%	0,0%	3%	KQ	30/03/26	10,6	12,5	20,5	1,4
DGW	Bán lẻ	25%	383	2,9	45.600	45.400	0%	1,1%	1%	PHTT	18/11/25	18,4	16,3	13,1	2,9
TPB	Ngân hàng	5%	1.717	5,9	16.300	15.800	-3%	0,0%	-3%	MUA	27/05/25	6,1	6,0	11,3	1,1
GVR	Công nghiệp	12%	4.975	4,3	32.750	30.500	-7%	1,2%	-6%	KQ	31/12/25	23,3	21,4	15,2	2,3
NKG	VLXD	45%	246	2,7	14.500	13.100	-10%	0,0%	-10%	PHTT	18/04/25	32,9	11,2	14,1	0,9
HSG	VLXD	45%	375	2,4	15.900	13.500	-15%	3,1%	-12%	PHTT	18/04/25	15,8	16,8	14,1	0,9
OIL	Dầu khí	6%	590	1,9	14.900	12.700	-15%	0,7%	-14%	KQ	17/10/25	36,4	32,9	21,5	1,5
LPB	Ngân hàng	4%	5.332	3,4	47.000	39.300	-16%	2,1%	-14%	KKQ	18/11/25	12,4	13,0	11,3	2,8
STB	Ngân hàng	18%	4.761	21,4	66.500	55.400	-17%	0,0%	-17%	KQ	08/12/25	21,1	10,7	11,3	2,1
BVH	Bảo hiểm	22%	1.996	2,3	70.800	56.900	-20%	1,3%	-18%	KQ	26/05/25	17,7	16,8	17,0	2,2
VHM	Bất động sản	42%	23.445	34,8	150.300	122.600	-18%	0,0%	-18%	KQ	30/03/26	14,7	14,3	20,5	2,6
VJC	Hàng không	24%	3.948	14,7	175.700	114.000	-35%	0,0%	-35%	KQ	15/03/24	49,0	19,7	19,1	4,2
VIC	Bất động sản	45%	60.637	37,7	207.200	101.600	-51%	0,0%	-51%	BÁN	30/03/26	136,4	140,8	20,5	10,8

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	137.578	2.646	18	14,8	11,8	10,0	15,0	1,8	22,9	18,0	14,6	2,0	2,8%
KHẢ QUAN	20	52.629	2.631	7	17,7	15,3	13,3	14,2	2,4	24,7	19,4	14,7	2,7	1,6%
PHÙ HỢP TT	10	21.974	2.197	0	19,5	17,2	12,3	19,4	2,7	30,2	19,2	13,6	3,2	4,2%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.332	5.332	0	15,2	12,4	13,0	10,4	2,8	15,2	12,4	13,0	2,8	2,1%
BÁN	1	60.637	60.637	1	129,5	136,4	140,8	66,9	10,8	129,5	136,4	140,8	10,8	0,0%
TỔNG CỘNG	84	278.150	3.311	26	19,6	16,2	13,7	16,4	2,4	25,4	19,8	16,0	2,4	2,7%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	89.164	7.430	11	11,8	10,2	8,5	12,4	1,6	11,3	10,4	8,4	1,7	1,0%
Bảo hiểm	2	2.084	1.042	1	23,3	17,2	15,7	14,3	2,0	17,6	14,0	11,5	1,5	2,3%
Chứng khoán	1	2.663	2.663	1	22,5	14,2	15,4	20,6	2,2	22,5	14,2	15,4	2,2	3,6%
Tài chính thay thế	1	671	671	0	50,3	24,5	17,9	25,7	7,2	50,3	24,5	17,9	7,2	0,0%
Tiêu dùng	13	29.303	2.254	4	18,9	16,4	15,3	19,6	3,7	24,5	16,7	14,7	3,6	4,8%
CNTT	1	4.826	4.826	1	17,5	14,7	13,2	23,0	3,5	17,5	14,7	13,2	3,5	3,1%
Bất động sản	9	90.795	10.088	2	58,1	36,8	37,6	23,1	4,5	39,4	35,4	45,5	2,4	0,2%
Vật liệu	4	9.308	2.327	1	17,9	14,5	10,3	18,3	1,6	15,4	18,3	11,8	1,8	3,9%
Điện & Nước	12	6.551	546	1	22,5	16,1	13,5	20,1	1,5	30,0	18,4	13,8	1,6	3,0%
Dầu khí	10	18.066	1.807	2	25,9	18,8	11,7	21,6	2,1	38,0	31,1	13,7	1,7	2,7%
Công nghiệp	5	1.343	269	0	9,0	8,1	7,6	12,2	1,3	14,8	14,7	8,4	1,3	3,7%
Khu công nghiệp	7	8.685	1.241	1	24,7	17,4	15,0	18,7	2,1	25,9	15,3	12,6	2,2	2,8%
GTVT & Logistics	7	14.691	2.099	1	14,6	16,5	13,2	18,0	3,3	19,8	19,5	13,5	5,1	2,9%
TỔNG CỘNG	84	278.150	3.311	26	19,6	16,2	13,7	16,4	2,4	25,4	19,8	16,0	2,4	2,7%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap
 Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap
 *FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB				MUA	
BID				MUA	
CTG				MUA	
HDB				KQ	
LPB				BÁN	
MBB				MUA	
STB				MUA	
TCB				MUA	
TPB				MUA	
VCB				MUA	
VIB				KQ	
VPB				MUA	
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI				MUA	
BVH				KQ	
SSI				MUA	
F88				KQ	
Tiêu dùng					
CTR		14%		KQ	
DGW				PHTT	
FPT				MUA	
FRT				MUA	
MSN (2)				MUA	
MCH				PHTT	
MWG				MUA	
PNJ				MUA	
QNS				KQ	
SAB		5%		MUA	
TLG		20%		MUA	
VEA		-3%		PHTT	
VHC		30%		MUA	
VNM				MUA	
GTVT & Logistics					
ACV		4%		PHTT	
AST		6%		MUA	
GMD (2)		31%		MUA	
HVN		19%		PHTT	

SCS		-6%	PHTT	
VJC		N.A	KQ	
VTP		19%	PHTT	
Bất động sản				
DXG		-4%	MUA	
DXS		7%	MUA	
HDC		-51%	KQ	
NVL		-79%	MUA	
KDH		59%	MUA	
NLG		-20%	MUA	
VHM		3%	KQ	
VIC		-3%	BÁN	
VRE		-15%	KQ	
Khu công nghiệp				
GVR		9%	KQ	
IDC		4%	MUA	
KBC		39%	MUA	
PHR		103%	MUA	
SIP		4%	MUA	
SZC	-86%	11%	KQ	Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG (2)		26%	MUA	
BMP		15%	MUA	
DGC		23%	MUA	
DHC		3%	MUA	
HPG		41%	MUA	
HSG (1)		-5%	PHTT	
NKG		202%	PHTT	
PTB		-19%	KQ	
STK		231%	KQ	
Điện & Nước				
BWE (2)		9%	MUA	
GEX			MUA	
HDG			KQ	
NT2	395%	-16%	MUA	LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ
PC1		12%	MUA	
POW		-1%	MUA	
PPC		99%	KQ	
QTP		-35%	MUA	
REE		17%	MUA	

TDM (2)	-61%	8%	KQ	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận
TV2		186%	MUA	
DPG		65%	MUA	
VGC			MUA	
Dầu khí				
BSR		215%	PHTT	
DCM (2)		55%	MUA	
DPM		70%	PHTT	
GAS			MUA	
OIL (2)			KQ	
PLX (2)			MUA	
PLC			MUA	
PVD (2)		55%	MUA	
PVS (2)		10%	MUA	
PVT (2)		49%	MUA	

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.857,3	23,8
VN 30	2.025,4	18,3
VN Mid	2.229,8	0,9
VNSmall	1.412,1	-0,1

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	255,4	2,1
HNX30	532,2	-3,1
VNX Allshare	3.022,1	27,9

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	128,9	-0,4

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	3.919,1	18,0%
Khối ngoại mua	2.189,8	10,1%
Khối ngoại bán	2.286,3	10,5%
Tổng giao dịch	21.724,0	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	648,0	45,3%
Khối ngoại mua	46,1	3,2%
Khối ngoại bán	50,4	3,5%
Tổng giao dịch	1.430,6	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	15,1	3,7%
Khối ngoại mua	9,9	2,4%
Khối ngoại bán	14,7	3,6%
Tổng giao dịch	406,5	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VIC	13.500	7,0%
SJS	3.800	6,9%
OGC	200	6,8%
HTN	480	6,3%
NVL	1.050	5,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
OCH	500	8,9%
KSF	6.000	6,6%
PCH	800	3,8%
DXP	300	2,2%
KSV	2.000	1,3%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VIW	4.274	14,3%
DHB	1.398	9,5%
TOS	6.441	3,5%
FOC	1.463	2,2%
AGX	4.476	1,6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VVS	-10.000	-7,0%
IMP	-3.800	-6,9%
KOS	-1.550	-4,0%
VPI	-1.900	-3,1%
GEE	-5.600	-3,0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PLC	-600	-2,6%
PVC	-400	-2,4%
AAV	-200	-2,2%
HUT	-300	-1,8%
PVS	-500	-1,3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
MSR	-1.973	-4,4%
F88	-5.432	-3,3%
FOX	-1.504	-1,8%
QNS	-768	-1,7%
SGP	-397	-1,6%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
VSC	1.788
VHM	1.452
VIC	995
MWG	855
HPG	787

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	757
CEO	113
IDC	86
PVS	85
HUT	49

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	99
VGI	36
OIL	32
ACV	26
TOS	22

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VSC	74.493.887	6.085.502
OGC	1.493.716	233.737
TDH	335.708	53.739
PLP	369.100	67.501
SJS	2.663.743	641.753
VPG	1.221.682	301.339
SBT	7.424.183	2.012.042
PNJ	4.926.161	1.370.916
PVP	1.362.168	403.977
HTN	659.898	206.842

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
NAG	227.394	97.295
VC9	169.474	74.921
AAV	1.635.017	1.046.945
PCH	165.600	115.485
SJE	72.110	51.502
VC3	1.791.558	1.385.762
NDN	249.136	193.775
THT	76.510	59.719
MBG	190.709	160.475
SCI	89.580	76.445

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
VTD	1.212.252	187.896
BIG	1.960.587	385.415
VIW	290.565	82.165
QNS	284.145	90.443
DHB	202.157	71.959
STH	148.800	61.783
HBC	2.053.319	1.128.308
VHG	254.707	142.242
SCL	113.431	78.028
F88	113.690	80.821

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.762,5		13,9	2,2	14,6
TCX	4.460,0	90,1	19,0	2,6	14,4
VCK	3.112,0	95,6	18,8	2,7	19,1
SSI	2.663,4	67,8	14,4	2,2	0,0
VPX	1.990,4	95,0	12,4	1,5	14,0
VIX	1.586,7	92,0	5,1	1,9	25,6

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	632,0		12,9	1,6	0,0
BVH	1.996,1	21,7	18,5	2,2	0,0
PVI	683,3	43,3	16,3	2,2	0,0
BIC	182,3	7,9	8,8	1,5	0,0
VNR	158,5	22,7	9,6	1,0	0,0
MIG	139,8	83,9	11,3	1,4	0,0

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.835,0		19,9	3,8	0,0
ACV	6.103,2	47,0	14,9	2,3	0,0
GEE	2.535,5	49,1	20,5	8,3	0,0
MVN	2.449,4	0,0	33,1	4,6	0,0
VEA	1.683,5	47,6	6,2	1,7	0,0
GEX	1.403,5	42,8	25,0	2,1	0,0

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.950,4		18,9	4,6	0,0
MCH	6.888,0	84,5	25,4	10,0	0,0
VNM	4.905,6	51,1	13,7	4,2	0,0
MSN	4.338,5	75,5	29,2	3,2	0,0
SAB	2.194,5	41,5	13,1	2,7	0,0
PNJ	1.425,3	0,1	13,2	2,8	0,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.763,9		21,4	1,6	0,0
BSR	4.935,2	47,4	24,9	2,2	0,0
PLX	1.882,1	5,6	18,5	1,9	0,0
PVS	738,1	33,0	10,5	1,3	0,0
PVD	673,5	37,8	17,1	1,1	0,0
OIL	590,5	6,2	35,8	1,5	0,0

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.351,1		14,7	2,2	0,0
GAS	7.157,6	46,8	16,5	2,8	0,0
POW	1.514,8	47,0	15,3	1,2	0,0
REE	1.333,1	0,0	13,9	1,7	0,0
PGV	1.028,4	50,0	7,3	1,5	0,0
DNH	721,9	0,0	20,8	3,7	0,0

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.432,2		37,6	4,5	0,0
VIC	60.643,8	44,6	141,2	10,8	0,0
VHM	23.447,3	42,0	14,7	2,6	0,0
KSF	3.315,0	50,0	5,4	5,1	0,0
VRE	2.584,8	37,1	10,6	1,4	0,0
BCM	2.169,9	33,0	16,3	2,5	0,0

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.491,8		9,7	1,6	3,3
VCB	18.851,0	9,8	14,1	2,2	0,0
BID	11.129,3	13,4	9,5	1,7	0,0
CTG	10.295,4	4,7	7,8	1,5	0,0
TCB	8.881,7	0,0	9,0	1,3	0,0
VPB	8.301,9	5,3	8,3	1,3	16,4

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.629,0		48,3	6,1	0,0
VPL	5.714,5	47,3	136,5	4,1	0,0
MWG	4.818,7	0,2	18,1	3,9	0,0
VJC	3.948,0	23,6	47,1	4,2	0,0
HVN	2.694,4	21,7	7,8	12,0	0,0
FRT	969,6	16,8	32,1	6,1	0,0

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.950,4		18,9	4,6	0,0
HPG	6.888,0	26,2	25,4	10,0	0,0
GVR	4.905,6	12,3	13,7	4,2	0,0
MSR	4.338,5	99,9	29,2	3,2	0,0
KSV	2.194,5	0,0	13,1	2,7	0,0
DCM	1.425,3	39,6	13,2	2,8	0,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.763,9		21,4	1,6	0,0
DHG	4.935,2	46,0	24,9	2,2	0,0
IMP	1.882,1	27,1	18,5	1,9	0,0
DHT	738,1	9,2	10,5	1,3	0,0
DVN	673,5	0,0	17,1	1,1	0,0
DBD	590,5	84,6	35,8	1,5	0,0

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.351,1		14,7	2,2	0,0
FPT	7.157,6	17,1	16,5	2,8	0,0
CMG	1.514,8	12,6	15,3	1,2	0,0
SAM	1.333,1	48,5	13,9	1,7	0,0
SGT	1.028,4	-5,5	7,3	1,5	0,0
ELC	721,9	46,8	20,8	3,7	0,0

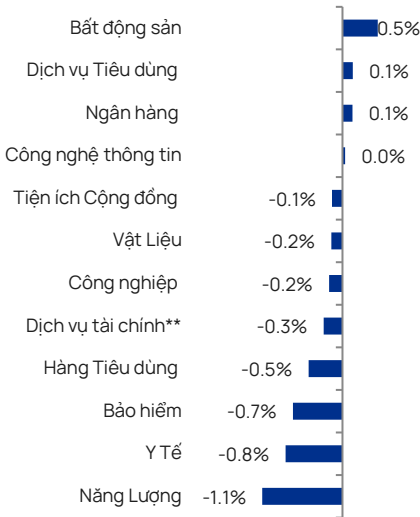
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

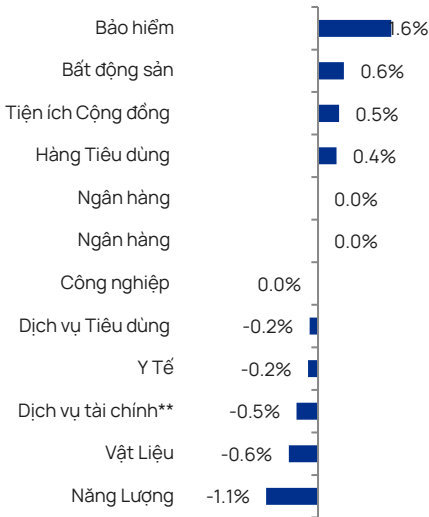
** ngoại trừ ngân hàng

Diễn biến hằng ngày theo ngành

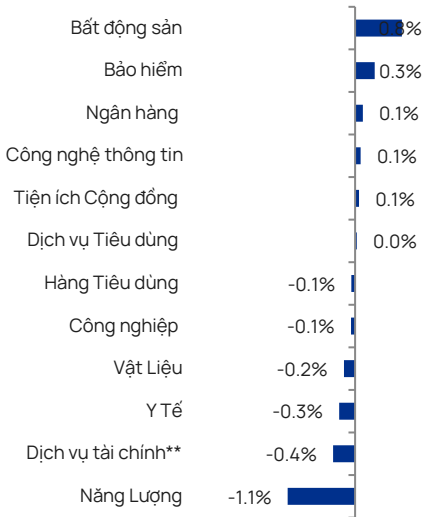
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HSX)



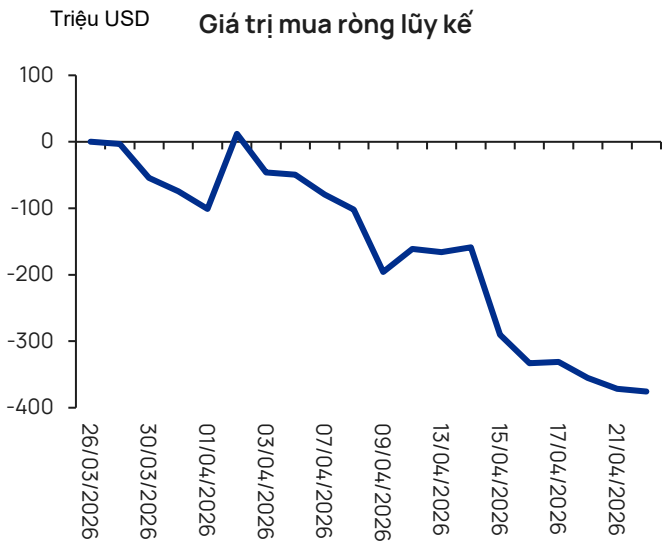
Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



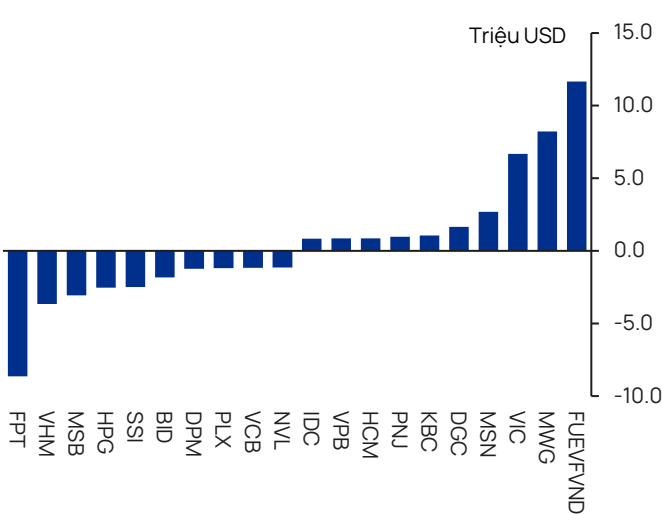
Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

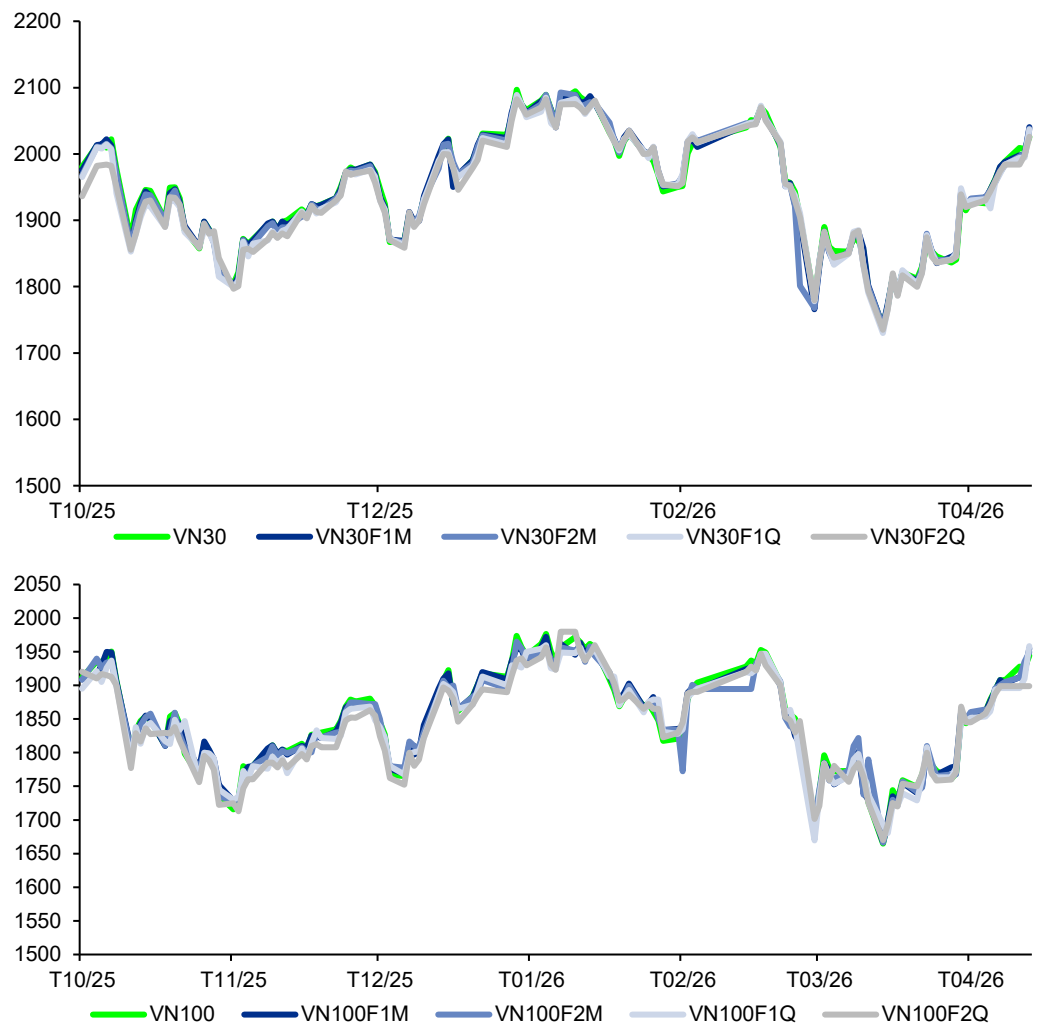


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	2.040,6	42,6	2,1%	15,2
VN30F2M	2.038,0	38,0	1,9%	12,6
VN30F1Q	2.036,9	42,4	2,1%	11,5
VN30F2Q	2.026,0	28,1	1,4%	0,6
VN100F1M	1.954,9	36,8	1,9%	11,0
VN100F2M	1.949,1	14,1	0,7%	5,2
VN100F1Q	1.958,2	48,2	2,5%	14,3
VN100F2Q	1.898,9	0,0	0,0%	-45,0

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	36.567	5,2%	322,57	53,9%
VN30F2M	1.483	6,5%	0,44	30,7%
VN30F1Q	329	3,5%	0,07	34,0%
VN30F2Q	26	13,0%	0,02	240,0%
VN100F1M	21	10,5%	0,05	29,7%
VN100F2M	16	6,7%	0,08	1460,0%
VN100F1Q	14	40,0%	0,00	-33,3%
VN100F2Q	N/A	N/A	N/A	N/A

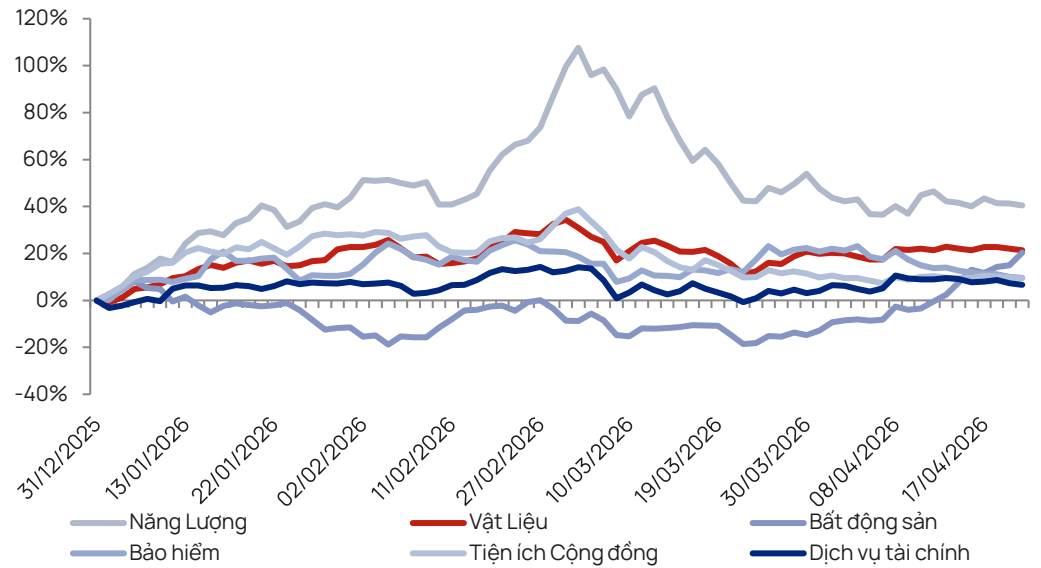


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

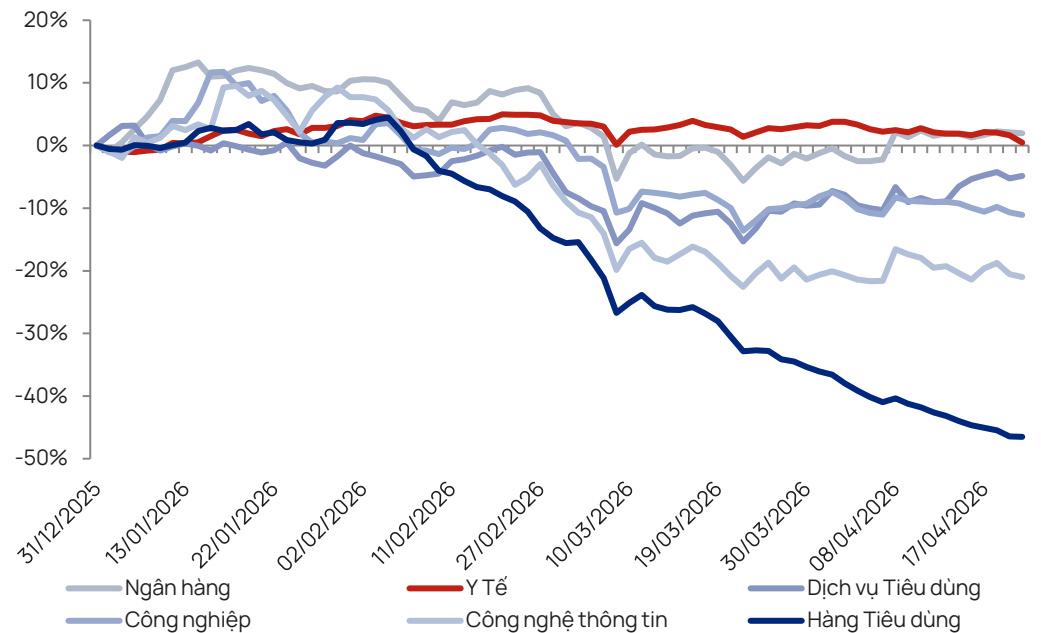
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



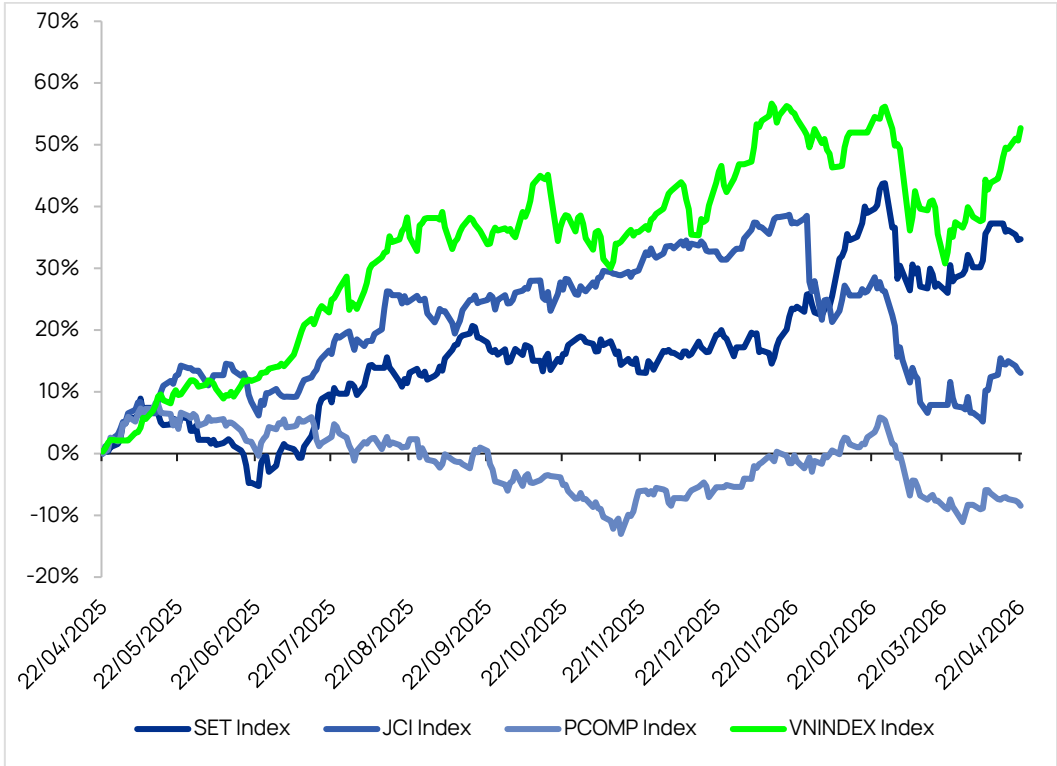
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



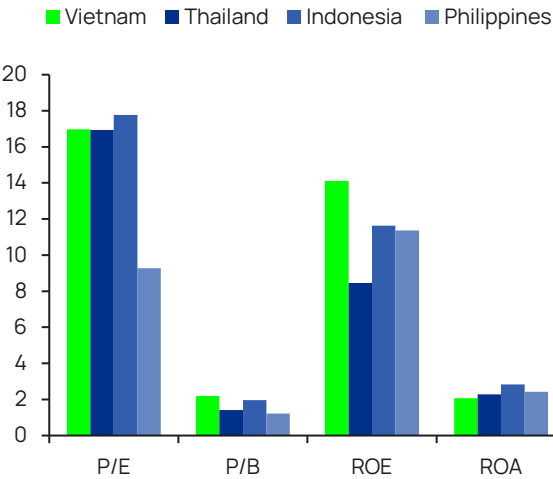
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,9	17,8	9,3	17,0
P/B	1,4	2,0	1,2	2,2
ROE (%)	8,5	11,6	11,4	14,1
ROA (%)	2,3	2,8	2,4	2,1
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	583,7	782,5	145,8	328,0
GTGD trung bình, tr USD	1.375,0	1.122,8	82,7	1.028,6
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	623,7	-2.307,8	-22,8	-1.431,5
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(372,9)	(61,9)	(66,3)	(89,3)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,61%	6,36%	6,21%	4,06%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.